

CHƯƠNG TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Công ty cổ phần ACC-244.

(Từ 08g00 - 11g30 ngày 26/4/2022)

TT	Nội dung	Thời gian	Người duy trì
1	- Ổn định tổ chức; - Thông báo tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt dự họp; Khai mạc; Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; Giới thiệu Chủ tọa đại hội.	08g00 - 08g10	BTC
2	- Chủ tọa cử Thư ký đại hội; - Đại hội bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa; - Thông qua chương trình Đại hội.	08g10 - 08g20	Chủ tọa
3	- Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2021, kế hoạch năm 2022; - Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên; - Đại hội thảo luận và thông qua.	08g20 - 09g00	Chủ tọa
4	<i>Đại hội giải lao</i>	<i>09g00 - 09g15</i>	<i>BTC</i>
5	- Thảo luận thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022; - Thảo luận thông qua thực hiện mức lương của Chủ tịch, Tổng giám đốc; Thù lao của HĐQT, BKS năm 2021 và Quyết định mức lương của Chủ tịch, Tổng giám đốc; Thù lao của HĐQT, BKS năm 2022; - Thảo luận thông qua Báo cáo tài chính năm 2021; - Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính 2022; - Thảo luận thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; - Thảo luận thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; - Thảo luận thông qua Quy chế hoạt động của	09g15 - 11g30	Chủ tọa

	Hội đồng quản trị; - Thảo luận thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; - Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.		
6	Bế mạc Đại hội.	11g30	BTC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: /BC-HĐQT244

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên
Hội đồng quản trị năm 2021, kế hoạch năm 2022

Kính thưa Quý vị đại biểu !

Kính thưa các Quý vị cổ đông !

Hội đồng quản trị xin trân trọng báo cáo với Đại hội về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021, kế hoạch năm 2022 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM
2021

1. Đánh giá tình hình quản trị năm 2021

Trong năm 2021, Công ty gặp nhiều khó khăn do bùng phát của dịch bệnh Covid -19, thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ khiến công tác tiếp cận Chủ đầu tư tiếp thị thị trường bị hạn chế, nhiều công trình phải tạm dừng thi công (2÷4) tháng đã ảnh hưởng đến tiến độ thi công. Giá cả vật liệu xây dựng tăng (trong đó có một số vật tư như thép, nhôm, cát, đá, xăng dầu tăng 30-40%) ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó các mục tiêu đặt ra trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. Bên cạnh đó những khó khăn trong việc giải ngân vốn của Chủ đầu tư, đấu thầu cạnh tranh, giảm giá thành và suất đầu tư làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên trong năm qua Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo, thực hiện đúng vai trò quản lý, giám sát và tạo điều kiện thuận lợi để Ban điều hành Công ty cổ phần ACC-244 triển khai thực hiện những chỉ tiêu điều chỉnh đã được Hội đồng thành viên Tổng công ty ACC thông qua, kết quả như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	29.408	29.408	29.408	100,00
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	476.159	350.000	355.208	101,49
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.031	5.950	6.044	101,58

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ TH/KH (%)
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.996	4.531	4.807	106,09
5	Trả cổ tức (dự kiến)	%/năm	15,00	15,00	15,00	100,00
6	Thu nhập b/q tháng	triệu/tháng	7,803	7,925	8,109	102,32

Trong năm 2021, Công ty đã ký kết được 14 hợp đồng với tổng giá trị đạt 336,131 tỷ đồng; giá trị hợp đồng gói đầu chuyển sang thực hiện năm 2022 là 550,041 tỷ đồng.

Công ty được Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân tặng “Cờ thi đua của Quân chủng” năm thứ hai liên tiếp, do đạt thành tích Tập thể xuất sắc tiêu biểu trong SXKD và xây dựng đơn vị VMTD.

2. Về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2021

2.1. Về hoạt động của HĐQT

Năm 2021 Hoạt động của HĐQT mang tính tập thể và thống nhất cao trong các các vấn đề; tuân thủ đúng theo Điều lệ Công ty. Xác định đúng đắn tình hình chung của đất nước cũng như tình hình thực tế Công ty trong năm 2021, HĐQT đã có các quyết sách phù hợp về công tác quản lý cũng như chỉ đạo Ban điều hành thực hiện những chủ trương kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; chủ yếu tập trung vào:

- Hoạch định chương trình thực hiện nhiệm vụ trong năm trong tổng thể chiến lược 5 năm nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ III được cổ đông thông qua.

- Thường xuyên giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của Công ty. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD tháng, quý, năm; kế hoạch và phương hướng hoạt động của tháng, quý, năm tiếp theo;

- Thực hiện các cuộc họp của HĐQT theo quy chế làm việc của Hội đồng để giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT;

- Thông qua phương án, giá trị hạn mức vay vốn, phát hành bảo lãnh, xác nhận cung cấp tín dụng theo hạn mức được cấp tại Ngân hàng, nhằm phục vụ cho công tác SXKD;

- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức năm 2020;

- Hoàn tất hồ sơ về hủy tư cách công ty đại chúng, hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu và hủy đăng ký chứng khoán của Công ty. Cụ thể được Ủy ban chứng khoán Nhà nước hủy tư cách công ty đại chúng kể từ ngày 27/4/2021, Sở Giao dịch

chứng khoán Hà Nội hủy đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu của Công ty kể từ ngày 09/6/2021; Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hủy đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm kể từ ngày 15/6/2021;

- Chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 theo quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông;

- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2022 đảm bảo đúng thời gian và phù hợp với năng lực của Công ty;

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tuy vậy HĐQT nhận thấy: cần sâu sát hơn trong việc chỉ đạo Tổng giám đốc điều hành việc đối chiếu, thu hồi công nợ phải thu khách hàng, xác nhận công nợ phải trả người bán, kiểm soát tiền tạm ứng, thanh toán tạm ứng, kiểm kê chi phí SXKD dở dang, vật tư mua sắm phục vụ SX... tại các bộ phận, công trường và lập hồ sơ thanh toán khối lượng và ghi nhận doanh thu kịp thời. HĐQT cần nghiên cứu xây dựng chiến lược để Công ty phát triển ổn định, bền vững. Đồng thời phát huy hết vai trò giám sát, chỉ đạo đối với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc SXKD hàng ngày.

2.2. Về đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT

Các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

a. Ông Nguyễn Quốc Doanh - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Phụ trách, điều hành chung mọi hoạt động công tác của HĐQT, đôn đốc các thành viên thực hiện đầy đủ chức trách của mình. Duy trì các hoạt động của Hội đồng quản trị theo nội dung chương trình và quy chế làm việc, trực tiếp chủ tọa các cuộc họp HĐQT. Thay mặt HĐQT ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;

- Trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng sửa đổi Điều lệ và các Quy chế hoạt động của Công ty, tổ chức nhân sự;

- Phối hợp với các thành viên HĐQT và Người phụ trách quản trị Công ty chuẩn bị các chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 cũng như các cuộc họp của HĐQT;

- Hoàn tất hồ sơ về hủy tư cách công ty đại chúng, hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu và hủy đăng ký chứng khoán của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

b. Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc - người đại diện theo Pháp luật của Công ty cổ phần ACC-244. Báo cáo tình hình hoạt động của Công ty hàng quý/ năm;

- Tham gia xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm; chiến lược phát triển thị trường; chiến lược đầu tư của Công ty;

- Nghiên cứu sửa đổi Quy chế tuyển dụng; trực tiếp quản trị, điều hành công tác tài chính và đề xuất biện pháp xử lý các vấn đề tài chính liên quan trong sản xuất kinh doanh.

c. Ông Nguyễn Công Nguyên – Thành viên Hội đồng quản trị

- Tham gia xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm; chiến lược phát triển thị trường; chiến lược đầu tư của Công ty;

- Nghiên cứu để hoàn thiện và nâng cao năng lực tổ chức sản xuất cho các đơn vị, bộ phận trong Công ty.

d. Bà Phạm Thị Bích Hạnh – Thành viên Hội đồng quản trị

- Tham gia nghiên cứu chiến lược tài chính trung hạn và hàng năm của Công ty; lộ trình và giải pháp tăng vốn Điều lệ của Công ty;

- Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến công tác pháp chế, quản trị rủi ro, chất lượng phát triển cho Hội đồng quản trị và Công ty;

- Giám sát báo cáo tài chính quý- năm; và đề xuất biện pháp xử lý các vấn đề tài chính liên quan, bảo đảm chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, an toàn về tài chính trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

e. Ông Nguyễn Mạnh Hà – Thành viên Hội đồng quản trị

- Tham gia nghiên cứu chiến lược phát triển Công ty;

- Tập trung nghiên cứu để từng bước thu hút và quản trị nguồn nhân lực kỹ thuật cho các đơn vị, bộ phận trong Công ty.

2.3. Thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT

- Lương của Chủ tịch HĐQT: Thực hiện theo quy chế trả lương của Công ty.

- Tổng thù lao của HĐQT và Người phụ trách quản trị Công ty năm 2021: 330.000.000 đồng = 100% mức được ĐHCĐ duyệt.

3. CÁC CUỘC HỌP VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp theo quy chế làm việc của Hội đồng để giải quyết và quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT;

Các cuộc họp được tiến hành thường kỳ theo quý và các phiên họp đột xuất, trong năm đã ra 07 Nghị quyết và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	49/NQ- HĐQT244	22/3/2021	- Thông qua Báo cáo quyết toán tài chính năm 2020 đã được kiểm toán; - Thông qua Báo cáo thường niên năm 2020; - Thông qua chương trình và các tài liệu họp cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
2	172/NQ - HĐQT244	17/5/2021	- Thông qua Báo cáo quyết toán tài chính Quý I năm 2021; - Giao ông Tổng Giám đốc trong thời gian tới cần phối hợp với Ban điều hành có biện pháp thúc đẩy hơn nữa công tác thị trường và tăng giá trị sản xuất, thu hồi công nợ và giảm tạm ứng nội bộ, nâng cao công tác kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021; - Nâng lương năm 2021 cho đồng chí Phạm Thu Hương- Kế toán trưởng; - Chi trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.	100%
3	262/NQ- HĐQT244	13/9/2021	- Thông qua kết quả SXKD quý II và 6 tháng đầu năm 2021; - Giao ông Tổng Giám đốc trong thời gian tới khi dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát cần có biện pháp thúc đẩy công tác thị trường, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, tăng giá trị sản xuất, ...góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021.	100%
4	379/NQ- HĐQT244	29/11/2021	- Thông qua kết quả SXKD quý III và 9 tháng đầu năm 2021. - Dự kiến chỉ tiêu hoàn thành năm 2021 và kế hoạch 2022. - Dự kiến Phân phối lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ năm 2021. - Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.	100%
5	439/NQ- HĐQT244	31/12/2021	- Phê duyệt Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty.	100%
6	440/NQ- HĐQT244	31/12/2021	- Chi thưởng năm 2021 cho Ban điều hành Công ty.	100%
7	441/NQ- HĐQT244	31/12/2021	- Thưởng tháng lương thứ 13 cho người lao động năm 2021 từ Quỹ tiền lương và chi thưởng năm 2021 cho người lao động từ Quỹ KTPL	100%

4. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ

4.1. Giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc

HĐQT đã giám sát hoạt động của Tổng giám đốc trong việc thực hiện những công việc sau:

- Chỉ đạo, giám sát triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT trong các hoạt động của Công ty;
- Thường xuyên giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty, đặc biệt chú trọng đến công tác phát

triển thị trường, tình hình quản lý và thu hồi công nợ, giải ngân thanh toán các hợp đồng, nề nếp quản lý trong SXKD, đảm bảo hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 đã đề ra;

- Chỉ đạo, giám sát xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và lập báo cáo quyết toán tài chính năm 2021;

- Chỉ đạo, giám sát triển khai thực hiện các quy chế quản lý của Công ty. Giám sát Tổng giám đốc về việc ban hành và sửa đổi các chỉ thị, quy định đồng bộ trong các lĩnh vực để tổ chức triển khai thực hiện các quy chế nêu trên.

Tổng giám đốc cần chỉ đạo các cơ quan nghiệp vụ tích cực và chủ động hơn trong thu hồi công nợ khách hàng; khai thác tối đa nguồn vốn của chủ đầu tư và các nguồn lực khác để bảo đảm vốn cho thi công, hạn chế vay ngân hàng.

4.2. Giám sát của HĐQT đối với các cán bộ quản lý khác

HĐQT đã giám sát đối với các cán bộ quản lý về các nội dung:

- Giám sát việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Giám sát việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

- Giám sát việc trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Giám sát việc thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các lợi ích liên quan.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA NĂM 2022

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Thuận lợi

Công tác thị trường dự báo khả quan (cả trong Quân chủng, Quân đội và bên ngoài, do uy tín của Công ty đã được khẳng định). Số hợp đồng năm 2021 chuyển sang đủ việc làm cho một số bộ phận triển khai nhiệm vụ ngay từ đầu năm. Đội ngũ cán bộ điều hành từ Ban Tổng giám đốc đến các Xí nghiệp có kinh nghiệm; trình độ tổ chức quản lý sản xuất được nâng lên, đảm bảo đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong sản xuất kinh doanh và xây dựng đơn vị. Công ty luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của Thủ trưởng BTL Quân chủng PK-KQ và Tổng công ty ACC.

1.2. Khó khăn

Dự báo năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid-19 sẽ vẫn còn diễn biến phức tạp; một số hợp đồng đã ký song do công tác bàn giao mặt bằng chậm nên chưa triển khai thi công, khó khăn về thị trường, ảnh hưởng đến công ăn việc làm của

CB-NV và việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD-XĐĐV năm 2022 và những năm tiếp theo. Thị trường xây dựng với đấu thầu cạnh tranh, giảm giá thành và suất đầu tư, làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh;

Nguồn lực (*cả vốn, trang thiết bị và con người*) nói chung của Công ty còn hạn chế nên khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ, nhất là việc mở rộng và phát triển thị trường. Hoạt động SXKD vẫn phân tán, trải rộng trên nhiều địa bàn, quy mô công trình nhìn chung không lớn, chi phí cho công tác kiểm tra, kiểm soát lớn, ảnh hưởng đến hiệu quả;

Ảnh hưởng từ xung đột giữa Nga và Ukraine, tình hình kinh tế trong năm sẽ diễn biến phức tạp do giá một số mặt hàng thiết yếu như: điện, xăng dầu, v.v tăng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá nguyên vật liệu xây dựng (*đặc biệt hợp đồng lớn đơn giá cố định*) và hoạt động SXKD chung của Công ty.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu

Công ty xác định mục tiêu cơ bản là: Phát triển ổn định, bền vững, bảo toàn và phát triển vốn; đầu tư máy móc, trang thiết bị phục vụ xây dựng hiện đại; phát triển thương hiệu Công ty; Nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động; mang lại lợi ích tối đa cho Nhà nước, cổ đông, doanh nghiệp và người lao động;

Lấy xây dựng dân dụng công nghiệp làm nòng cốt, mở rộng các lĩnh vực xây dựng thủy lợi, giao thông, phát triển các ngành dịch vụ có liên quan làm lợi thế cạnh tranh. Giữ vững thị phần ở thị trường truyền thống trong Quân chủng, một số đơn vị trong Quân đội, Bộ, Ngành và đặc biệt là thị trường có vốn ngoài ngân sách Nhà nước khi đã tạo lập uy tín, năng lực trở thành đối tác chiến lược...;

Đẩy mạnh phong trào thi đua quyết thắng, thi đua cao điểm chào mừng các ngày lễ trong năm 2022, đặc biệt đợt thi đua cao điểm “50 ngày hành động mẫu mực” lập thành tích chào mừng kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống Công ty. Phân đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, xây dựng Công ty đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, được tặng “Cờ thi đua của Quân chủng”.

3. Những chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	TL%
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	29.408	29.408	100,00
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	355.208	405.000	114,02
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.044	6.075	100,51
4	Mức trả cổ tức (dự kiến)	%/năm	15,00	15,00	100,00
5	Thu nhập b/q người l.động	triệu/tháng	8,109	8,316	102,55

4. Một số nhiệm vụ khác

- Tăng cường hơn nữa vai trò chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc điều hành công việc kinh doanh. Đặc biệt là công tác thu hồi công nợ và đối chiếu công nợ phải thu khách hàng, người mua trả tiền trước và điều chỉnh, xác nhận công nợ phải trả người bán nhằm đảm bảo vốn cho sản xuất kinh doanh;

- Tăng cường công tác quản trị tài chính đảm bảo an toàn về vốn và tài sản công ty;
- Rà soát, chuẩn bị tốt các nội dung phục vụ kiểm toán Nhà nước vào làm việc hạn chế tối đa sai sót;
- Tích cực trong công tác tìm kiếm, mở rộng, đa dạng thị trường, đặc biệt là mở thêm các thị trường mới có nhiều triển vọng ...;
- Đầu tư máy móc thiết bị để phục vụ tiến khai thi công đáp ứng yêu cầu sản xuất các dự án mới trong năm 2022;
- Chỉ đạo tổ chức các hoạt động và Lễ kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống Công ty (10/7/1972-10/7/2022) chặt chẽ, trang trọng, an toàn và tiết kiệm; đạt được mục đích yêu cầu đề ra theo kế hoạch;
- Làm tốt công tác xây dựng đơn vị, tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị, xã hội trong công ty hoạt động đúng hướng, có hiệu quả, thiết thực góp phần vào sự ổn định và phát triển của doanh nghiệp;
- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện, ban hành đầy đủ các Quy chế, Quy định cần thiết cho quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty;
- Chú trọng bồi dưỡng nguồn nhân lực kế cận trong các lĩnh vực quản lý, điều hành, kiểm soát để chủ động cho xây dựng bộ máy quản trị Công ty.

Kính thưa các Quý vị !

Nhân dịp này, tôi xin thay mặt HĐQT chân thành cảm ơn đối với Thủ trưởng và cơ quan cấp trên, TV Đảng ủy- Ban Tổng giám đốc Tổng công ty ACC (Công ty mẹ), các cơ quan, đơn vị, bạn hàng đã luôn dành cho Công ty cổ phần ACC-244 sự quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện cho sự phát triển của Công ty.

Xin cảm ơn sự tin tưởng, đồng thuận của các quý vị cổ đông, sự đoàn kết thống nhất của tập thể cán bộ, nhân viên Công ty đã ủng hộ HĐQT vượt qua khó khăn, thách thức hoàn thành thắng lợi mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Tôi hy vọng rằng tại Đại hội này sẽ nhận được các ý kiến đóng góp quý báu của Quý cổ đông để đưa Công ty chúng ta ngày càng phát triển, làm tăng giá trị cho cổ đông, người lao động và xã hội.

Xin được gửi đến các vị đại biểu, toàn thể quý vị cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thịnh vượng, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn !

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quốc Doanh

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Kính thưa Quý vị đại biểu !

Kính thưa các Quý vị cổ đông !

Ban kiểm soát Công ty cổ phần ACC-244 xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) tình hình và kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2021, hoạt động của Ban kiểm soát tập trung chủ yếu vào chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

1. Các phiên họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2021, Ban kiểm soát tổ chức 05 cuộc họp chính có sự tham gia đầy đủ của 03 thành viên, cụ thể:

Stt	Ngày	Nội dung cuộc họp
1	19/3/2021	Xem xét, thẩm định BCTC năm 2020, BC thường niên năm 2021 Thống nhất nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Tham gia công tác chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
2	15/5/2021	Xem xét đánh giá một số nội dung, chỉ tiêu chính trong BCTC Quý I/2021 Xem xét đánh giá Báo cáo kết quả SXKD 3 tháng đầu năm và tháng 4/2021
3	09/9/2021	Xem xét đánh giá một số nội dung, chỉ tiêu chính trong BCTC Quý II/2021 Xem xét đánh giá Báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm và tháng 7+8/2021
4	27/11/2021	Xem xét đánh giá một số nội dung, chỉ tiêu chính trong BCTC Quý III/2021 Xem xét đánh giá Báo cáo kết quả SXKD 9 tháng đầu năm và tháng 10/2021 Xem xét đánh giá các chỉ tiêu kế hoạch dự kiến hoàn thành và phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch năm 2022 Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021 Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty

5	31/12/2021	Xem xét đánh giá Kế hoạch SXKD-XĐĐV năm 2022 của công ty Nghiên cứu lập Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
---	------------	---

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã thực hiện các nội dung công việc sau:

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo quy định; tham dự các cuộc họp giao ban sản xuất cùng Ban điều hành Công ty.
- Xem xét các báo cáo tài chính, báo cáo thường niên tổng kết hoạt động SXKD và chương trình kế hoạch của Công ty theo định kỳ, nhằm đánh giá tính hợp lý và trung thực của các số liệu.
- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động SXKD; Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết HĐQT.
- Giám sát việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm cũng như danh sách các đơn vị kiểm toán để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua lựa chọn cho năm tới.
- Tham gia công tác chuẩn bị, tổ chức ĐHĐCĐ thường niên đảm bảo việc tổ chức và thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

3. Tự đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên BKS

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2020
1	Bà Trần Thị Bích Đào	Trưởng ban kiểm soát	- Thực hiện các công việc của Trưởng ban; - Tham dự các cuộc họp giao ban tuần/tháng của Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành hoạt động SXKD; - Tham gia họp và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban sản xuất của Công ty; - Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết HĐQT; - Xem xét các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả SXKD hàng quý/ năm, tình hình thực hiện mục tiêu nhiệm vụ so với kế hoạch; - Tham gia công tác chuẩn bị, tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021

			- Lập các báo cáo của BKS.
2	Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS	- Phối hợp thực hiện thẩm định báo cáo tài chính hàng quý/năm, tình hình tổ chức hoạt động SXKD, tình hình thực hiện mục tiêu nhiệm vụ so với kế hoạch; - Thực hiện giám sát tình hình quyết toán quỹ tiền lương, phân phối lợi nhuận, cơ cấu vốn của công ty. - Thực hiện giám sát, kiểm tra cơ cấu tổ chức, tình hình tuyển dụng, đào tạo và sử dụng lao động trong công ty. - Kiểm tra, rà soát, đề xuất, tham mưu sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế, quy định và các văn bản quản lý của Công ty khi Nhà nước bổ sung, thay đổi các chế độ, chính sách về Luật doanh nghiệp, Luật bảo hiểm, chế độ kế toán doanh nghiệp...
3	Phan Hương Giang	Thành viên BKS	- Phối hợp thực hiện thẩm định báo cáo tài chính hàng quý/năm, tình hình tổ chức hoạt động SXKD, tình hình thực hiện mục tiêu nhiệm vụ so với kế hoạch; - Thực hiện công tác giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết HĐQT; - Giám sát công tác thanh/quyết toán của các dự án; công tác tạm ứng, thu hồi công nợ nội bộ, khách hàng.

4. Thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2021, Ban kiểm soát được chi trả thù lao tổng cộng là: 108.000.000 đồng.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

1. Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, lan ra trên diện rộng khắp cả nước, số ca nhiễm bệnh tăng cao ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát đánh giá cao sự nỗ lực của HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo, điều hành sản xuất cùng với những giải pháp kịp thời điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ năm 2021 thông qua cho phù hợp với tình hình SXKD thực tế, lãnh đạo Công ty hoàn thành vượt mức

một số chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh. Một số chỉ tiêu chủ yếu đã thực hiện là:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ	
						TH/KH	TH2021/TH2020
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(3)/(2)</i>	<i>(3)/(1)</i>
1	Vốn điều lệ	tr.đ	29.408	29.408	29.408	100%	100%
2	Tổng Doanh thu	tr.đ	476.159	350.000	355.207	101,49%	74,60%
3	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	10.031	5.950	6.044	101,58%	60,26%
4	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	7.996	4.531	4.807	106,09%	60,11%
5	Trả cổ tức	%/năm	15,00	15,00	15,00	100%	100%
6	Thu nhập BQ/tháng	tr.đ	7,803	7,925	8,109	102,32%	103,92%

Theo đó, kết quả kinh doanh năm 2021: Tổng doanh thu đạt 355,207 tỷ đồng, hoàn thành vượt 101,49% so với kế hoạch điều chỉnh. Lợi nhuận trước thuế đạt 6,044 tỷ, bằng 101,58% kế hoạch điều chỉnh. Đặc biệt, năm 2021 tuy có nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh covid, nhiều lao động trên khắp cả nước bị mất việc, nhưng công ty vẫn đảm bảo được công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động với mức thu nhập bình quân/tháng là 8,109 triệu đồng, vượt chỉ tiêu KH 102,32%.

2. Kết quả giám sát hoạt động tài chính của công ty

- Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA). Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Trong năm 2021, Công ty đã sử dụng hiệu quả, bảo toàn được vốn đầu tư của chủ sở hữu (hệ số bảo toàn vốn = 100%). Tình hình tài chính lành mạnh, an toàn đáp ứng nhu cầu thanh toán với các khoản nợ ngắn hạn (hệ số khả năng thanh toán hiện thời là 1,18 lần, Hệ số khả năng thanh toán nhanh: 1,02 lần).

- Việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các quy định về tài chính kế toán của Nhà nước, đáp ứng được các yêu cầu về quản lý.

- Công ty đã thực hiện hạch toán điều chỉnh kịp thời các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán, thuế và chỉ đạo của Bộ Quốc phòng.

- Công ty đã lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 theo đúng quy định tại điều lệ Công ty và Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội.

- Công ty đã hoàn thành việc trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2020 theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021 thông qua.

3. Kết quả giám sát hoạt động đầu tư dự án của Công ty

Năm 2021, công ty không thực hiện đầu tư mua sắm TSCĐ.

4. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác

4.1. Hoạt động của HĐQT

- Hội đồng quản trị đã giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban Tổng giám đốc trong hoạt động điều hành SXKD, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được thông qua. Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 7 cuộc họp, ban hành 07 Nghị quyết, quyết định và một số văn bản khác để quản lý các hoạt động của công ty. Các Nghị quyết, Quyết định được HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với Điều lệ của Công ty.

- HĐQT đã tiến hành họp định kỳ và đột xuất theo quy định để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra chiến lược, định hướng nhằm hoàn thành kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ thông qua. Các cuộc họp của HĐQT được thư ký công ty ghi chép biên bản đầy đủ theo các nội dung được thống nhất thông qua và công bố Nghị quyết đầy đủ đúng quy định.

- Trong năm, HĐQT đã hoàn tất hồ sơ về hủy tư cách công ty đại chúng, hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu và hủy đăng ký chứng khoán của Công ty. Cụ thể được Ủy ban chứng khoán Nhà nước hủy tư cách công ty đại chúng kể từ ngày 27/4/2021, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội hủy đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu của Công ty kể từ ngày 09/06/2021, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam hủy đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm kể từ ngày 15/6/2021.

4.2. Hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Ban Tổng giám đốc Công ty đã bám sát các mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao, luôn tuân thủ các chế độ, quy định, chính sách pháp luật, Điều lệ, Quy chế, Nghị quyết trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, hướng đến mục tiêu hiệu quả và phát triển bền vững.

- Hàng tuần/tháng, Ban Tổng giám đốc cùng các cán bộ quản lý công ty tổ chức họp giao ban nhằm đánh giá kết quả thực hiện, phân tích khó khăn, thuận lợi để đưa ra các giải pháp trong điều hành sản xuất kinh doanh-xây dựng đơn vị, đồng thời đề xuất ý kiến với HĐQT các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban TGD và

cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong quá trình quản lý, điều hành, tham gia các cuộc họp của HĐQT.

- Ban kiểm soát đã nhận được các thông tin từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc. Từ đó đã tham gia góp ý, kiến nghị trong việc quản trị điều hành hoạt động của Công ty thông qua các cuộc họp.

- Ban kiểm soát đã trao đổi với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trên tinh thần trung thực, thẳng thắn đúng quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty về những vấn đề liên quan đến quyền và nhiệm vụ của các bên để đảm bảo việc thực thi đạt kết quả và đúng pháp luật.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

- Giám sát tính tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022. Ban kiểm soát tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong việc xem xét báo cáo đánh giá của kiểm toán độc lập và giám sát việc thực thi các vấn đề được kiểm toán đưa ra. Đồng thời thực hiện thẩm định các BCTC quý, năm, báo cáo tình hình SXKD và các báo cáo công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc.

- Kiểm tra giám sát công tác quản lý, sử dụng và bảo toàn vốn của Cổ đông. Kiểm tra giám sát hiệu quả công tác đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị và hiệu quả hoạt động của công ty.

- Tăng cường sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và các phòng ban, bộ phận trong công ty để kịp thời đánh giá, xử lý các vấn đề phát sinh cũng như giám sát việc thực hiện các kiến nghị sau thanh/kiểm tra.

- Giám sát hoạt động HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

- Chủ động nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ kiểm tra và giám sát nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Mặc dù cuộc sống đã trở lại bình thường mới thích nghi an toàn với dịch bệnh covid-19 nhưng năm 2022 dự báo vẫn tiếp tục còn nhiều khó khăn đối với các doanh nghiệp sản xuất, đặc biệt là căng thẳng giữa Nga và Ukraine, tỷ lệ lạm phát tăng cao ảnh hưởng không nhỏ đến giá cả vật liệu xây dựng. Để thực hiện tốt nhiệm vụ năm 2022, Ban kiểm soát kiến nghị HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty một số nội dung sau:

- Tiếp tục cải tiến công tác quản lý hoạt động xây lắp, tổ chức thi công, tăng cường công tác kiểm soát tiêu hao vật tư, nguyên liệu, tiết kiệm chi phí tối đa để giảm giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh, tìm kiếm việc làm và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát chặt chẽ về kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, đảm bảo thi công đúng tiến độ, tạo uy tín với khách hàng, giữ vững thị trường truyền thống và mở rộng,

phát triển thị trường mới.

- Tiếp tục rà soát, đối chiếu, xác nhận các khoản công nợ phải thu, phải trả đầy đủ, trích lập nợ phải thu khó đòi theo quy định.

- Công ty cần tổ chức kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, vật tư hàng hóa mua sắm phục vụ sản xuất tại công trường hàng quý, để hạch toán kịp thời, đầy đủ doanh thu, giá vốn đối với các công trình đủ điều kiện ghi nhận doanh thu trong kỳ. Đồng thời xác định đúng số dư các tài khoản Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, hàng tồn kho và công nợ phải trả.

- Rà soát các dự án đã ký hợp đồng nhưng chưa triển khai thi công hay những dự án đang bám Chủ đầu tư, tính toán khả năng tài chính và yếu tố thị trường trong giai đoạn biến động giá cả, tài chính tiền tệ để quyết định cụ thể cho từng dự án.

- Nghiên cứu phương án đầu tư máy móc, thiết bị tăng năng lực sản xuất, song cần phân tích, đánh giá hiệu quả của các dự án đầu tư tài sản cố định nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho Công ty cũng như cổ đông.

- Hoạch định và có chính sách để bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kế cận, kế tiếp nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của hoạt động SXKD.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Kính thưa các Quý vị!

Nhân dịp này, tôi xin thay mặt Ban Kiểm soát trân trọng cảm ơn HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban nghiệp vụ đã phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Kính chúc Công ty ngày càng phát triển, ổn định, bền vững. Chúc các vị Đại biểu, Quý vị cổ đông sức khỏe, thành đạt và hạnh phúc.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn !

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Thị Bích Đào

Số: /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH**V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021
và Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022.**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ACC-244

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ vào các Nghị định, Thông tư hướng dẫn và các văn bản, quy định có liên quan;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021; và Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 như sau:

PHẦN I. THỰC HIỆN NĂM 2021:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021
1	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.950	6.044
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.531	4.807
3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành	Triệu đồng	1.947	1.947
4	Tỷ lệ trả cổ tức trên vốn điều lệ	%	15	15
4.1	Chia từ lợi nhuận năm 2021	Triệu đồng	2.584	2.860
4.2	Chia từ lợi nhuận của các năm trước	Triệu đồng	1.827	1.551
5	Lợi nhuận để lại chưa phân phối năm 2021	Triệu đồng	0	0
6	Lợi nhuận chưa phân phối của các năm trước lũy kế đến ngày 31/12/2021	Triệu đồng	6.361	6.637

PHẦN II. KẾ HOẠCH NĂM 2022:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022
1	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.075
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.831
3	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	%	15
4	Chi trả cổ tức năm 2022	Triệu đồng	4.411
5	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành (35% theo NQ ĐHĐCĐ nhiệm kỳ III)	Triệu đồng	1.691
5.1	<i>Trích từ Lợi nhuận ST năm 2022</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>420</i>
5.2	<i>Trích từ Lợi nhuận để lại chưa phân phối của các năm trước</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>1.271</i>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quốc Doanh

Số: /TTr-HĐQT244

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Thực hiện mức lương của Chủ tịch, Tổng giám đốc; Thù lao của HĐQT, BKS năm 2021 và Quyết định mức lương Chủ tịch, Tổng giám đốc; Thù lao của HĐQT, BKS năm 2022.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ACC-244.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Thực hiện mức lương của Chủ tịch, Tổng giám đốc; Thù lao của HĐQT, BKS năm 2021 và Quyết định mức lương Chủ tịch, Tổng giám đốc; Thù lao của HĐQT, BKS năm 2022, như sau:

I - THỰC HIỆN MỨC LƯƠNG CỦA CHỦ TỊCH, TỔNG GIÁM ĐỐC; THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS NĂM 2021:

1. Thực hiện mức lương của Chủ tịch, Tổng giám đốc:

1.1. Lương của Chủ tịch HĐQT: Thực hiện theo quy chế trả lương của Công ty.

1.2. Lương của Tổng giám đốc: Thực hiện theo quy chế trả lương của Công ty.

2. Thù lao của HĐQT: Tổng cộng 330.000.000 đồng = 100% mức được ĐHĐCĐ duyệt.

2.1. Thù lao của thành viên HĐQT: 288.000.000 đồng = 100% mức được ĐHĐCĐ duyệt.

2.2.. Thù lao của người phụ trách QTCT: 42.000.000 đồng = 100% mức được ĐHĐCĐ duyệt.

3. Thù lao của BKS:

3.1. Thù lao của Trưởng ban kiểm soát: 60.000.000 đồng = 100% mức được HĐQT duyệt.

3.2. Thù lao của Thành viên BKS: 48.000.000 đồng = 100% mức được HĐQT duyệt.

II - QUYẾT ĐỊNH MỨC LƯƠNG CỦA CHỦ TỊCH, TỔNG GIÁM ĐỐC; THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS NĂM 2022:

1. Quyết định mức lương của Chủ tịch, Tổng giám đốc:

1.1. Lương của Chủ tịch HĐQT: Thực hiện theo quy chế trả lương của Công ty.

1.2. Lương của Tổng giám đốc: Thực hiện theo quy chế trả lương của Công ty.

2. Thù lao của HĐQT: Tổng cộng 330.000.000 đồng/năm.

2.1. Thù lao của Thành viên HĐQT: 4 (x) 6.000.000 đồng/người/tháng (x) 12 tháng = 288.000.000 đồng.

2.2. Thù lao của Thư ký: 01 (x) 3.500.000 đồng/người/tháng (x) 12 tháng = 42.000.000 đồng.

3. Thù lao của BKS:

3.1. Thù lao của Trưởng ban kiểm soát: 01 (x) 5.000.000 đồng/người/tháng (x) 12 tháng = 60.000.000 đồng.

3.2. Thù lao của Thành viên BKS: 02 (x) 2.000.000 đồng/người/tháng (x) 12 tháng = 48.000.000 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quốc Doanh

Số: /TTr-HĐQT244

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ACC-244.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ACC-244 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA). Cụ thể như sau:

A. CÁC CĂN CỨ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021.

- Luật Doanh nghiệp;
- Chế độ kế toán doanh nghiệp, ban hành theo Thông tư 200/2014 ngày 22/12/2014 Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính;
- Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 87/2015/NĐ-CP;
- Thông tư số 48/2017/TT-BQP ngày 05/3/2017 của Bộ Quốc phòng về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng;
- Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/TT-BTC;
- Hướng dẫn số 7568/HD-CTC ngày 09/12/2021 của Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng về việc Quyết toán ngân sách năm và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các doanh nghiệp trong Bộ Quốc phòng;
- Hướng dẫn số 444/PTC-NS ngày 30/12/2021 của Phòng Tài chính/BTL Phòng không - Không quân về việc hướng dẫn QTNS và tổng kết công tác tài chính năm 2021;
- Hướng dẫn số 144/HD-ACC ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Hàng không ACC về việc Hướng dẫn quyết toán tổng kết công tác tài chính năm 2021;
- Căn cứ vào Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần ACC-244, Quy định của Tổng công ty ACC và những văn bản khác của Nhà nước, Quân đội, Quân chủng PKKQ;

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần ACC-244 thông qua hệ thống sổ sách kế toán.

B. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2021 (đơn vị tính: đồng)

I. Tài sản ngắn hạn	:	294.541.513.431
1- Tiền và các khoản tương đương tiền	:	113.730.464.493
2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	:	0
3- Các khoản phải thu ngắn hạn	:	141.281.378.275
4- Hàng tồn kho	:	39.514.935.625
5- Tài sản khác	:	14.735.038
II. Tài sản dài hạn	:	2.200.914.253
1- Các khoản phải thu dài hạn	:	0
2- Tài sản cố định	:	2.124.254.629
- Tài sản cố định hữu hình	:	2.124.254.629
- Tài sản cố định vô hình	:	0
- XDCB dở dang	:	
3- Tài sản dài hạn khác	:	76.659.624
III. Nợ phải trả	:	249.822.935.152
1- Nợ ngắn hạn	:	249.822.935.152
2- Nợ dài hạn	:	
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	:	46.919.492.532
1- Vốn chủ sở hữu	:	46.919.492.532
<i>Trong đó:</i>		
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu	:	29.408.620.000
+ Quỹ đầu tư phát triển	:	10.873.835.141
+ Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	:	6.637.037.391
2- Nguồn kinh phí và quỹ khác	:	0
V. Kết quả kinh doanh		
1- Doanh thu và thu nhập	:	355.207.575.848
- Doanh thu thuần b/hàng và c/cấp dịch vụ	:	355.185.345.892
- Doanh thu hoạt động tài chính	:	22.229.956
- Thu nhập khác	:	
2- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	:	6.044.337.837
3- Lợi nhuận sau thuế	:	4.806.670.270
VI. Các chỉ tiêu khác:		
1- Nộp ngân sách Nhà nước (các loại thuế)	:	9.063.770.575

2- Nộp tiền thuê đất quốc phòng	:	474.446.833
3- Trả cổ tức cho cổ đông Nhà nước	:	2.986.293.000
4- Trả cổ tức cho cổ đông khác	:	1.425.000.000
5- Tổng số lao động bình quân trong năm	:	860 người
6- Thu nhập bình quân chung	:	8.108.541 đ/người/tháng

(Báo cáo tài chính được kiểm toán đã được đăng tải đầy đủ trên Website của Công ty)

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD đặc biệt là tình hình dịch bệnh phức tạp, gián đoạn sản xuất do nghỉ giãn cách. Nguồn vốn lưu động còn thiếu, hoạt động sản xuất phân tán. Tuy nhiên Công ty cổ phần ACC-244 đã khắc phục mọi khó khăn hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021.

Hội đồng quản trị đề nghị Tổng giám đốc có biện pháp chỉ đạo, đôn đốc khắc phục mọi khó khăn tiếp tục thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh xây dựng đơn vị năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quốc Doanh

Số: /TTr-HĐQT244

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ACC-244.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ACC-244 kính trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

1. Thông qua danh sách các đơn vị sẽ chọn để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần ACC-244, gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

2. Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần ACC-244 trong số các đơn vị kiểm toán đã được thông qua ở trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-HĐQT244

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ACC-244.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020; Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019; Thông tư số 147/2016/TT-BQP ngày 21/9/2016 của Bộ Quốc phòng và Thông tư số 105/2018/TT-BQP ngày 24/7/2018;

Căn cứ Điều lệ công ty;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ACC-244 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua sửa đổi, bổ sung một số Điều của Điều lệ công ty cổ phần ACC-244 cho phù hợp với các quy định của Luật, Nghị định, Thông tư và thực tế hoạt động của Công ty, như sau:

- Sửa đổi, bổ sung, thêm nội dung, điều chỉnh một số từ ngữ tại Điều 1;
- Bổ sung thêm “Địa điểm kinh doanh” vào tên của Chương II;
- Sửa đổi, bổ sung, thêm nội dung, điều chỉnh một số từ ngữ tại Điều: 2, 3, 7, 8, 11, 13, 14, 15, 16;
- Sửa tên Điều 17 cũ “Đại diện theo ủy quyền” thành Điều 17 mới “Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông”;
- Bỏ Điều 18 cũ;
- Điều 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35 cũ thành Điều 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34 mới (do bỏ Điều 18 cũ ở trên) và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ;
- Bổ sung thêm Điều 35 “Trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp”; Điều 36 “Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc”; Điều 37 “Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan”;
- Điều 36, 37, 38 cũ thành Điều 38, 39, 40 mới (do bổ sung thêm 3 Điều ở trên) và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ;
- Bổ sung thêm Điều 41 “Trưởng Ban kiểm soát” mới;
- Điều 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48 cũ thành Điều 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51 mới (do thêm Điều 41 ở trên) và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ;
- Sửa tên Chương XV “Báo cáo thường niên, báo cáo tài chính và trách nhiệm công bố thông tin” thành “Báo cáo hằng năm và trách nhiệm công bố thông tin”;
- Điều 49, 50, 51 cũ thành Điều 52, 53, 54 mới và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ;
- Sửa tên Chương XVII “Con dấu” thành “Dấu của doanh nghiệp”;
- Điều 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59 cũ thành Điều 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62 mới và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

(Nội dung chi tiết các sửa đổi, bổ sung nêu trên có Phụ Lục kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Doanh

Theo Điều lệ đã sửa đổi, bổ sung năm 2018	Đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2022
PHẦN MỞ ĐẦU Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Công ty cổ phần ACC-244 (dưới đây gọi là “Công ty”). Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các quy định của Công ty khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh. Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua vào ngày 04 tháng 3 năm 2010.	PHẦN MỞ ĐẦU Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Công ty cổ phần ACC-244 (dưới đây gọi là “Công ty”). Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các quy định của Công ty khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh. Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua vào ngày 04 tháng 3 năm 2010.
Chương I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập <u>doanh nghiệp và</u> quy định tại <u>Điều 6 Điều lệ này</u>; b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày <u>26/11/2014</u>; c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày <u>29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010</u>; d. "Ngày hoạt động" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu; e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.	Chương I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập <u>công ty cổ phần và theo</u> quy định tại <u>Điều 7 Điều lệ này</u>; b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp <u>số 59/2020/QH14</u> ngày <u>17/6/2020</u>; c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán <u>số 54/2019/QH14</u> ngày <u>26/11/2019</u>; d. "Ngày hoạt động" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu; e. "Ban điều hành" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn. f. "<u>Người quản lý doanh nghiệp</u>" là người <u>quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng</u>

f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại <u>khoản 17 Điều 4</u> Luật doanh nghiệp, <u>khoản 34 Điều 6</u> Luật chứng khoán; g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản <u>9 Điều 6</u> Luật chứng khoán; h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết; 1. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; 2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</u> g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại <u>khoản 23 Điều 4</u> Luật doanh nghiệp, <u>khoản 46 Điều 4</u> Luật chứng khoán; h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản <u>18 Điều 4</u> Luật chứng khoán; i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết; 1. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; 2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 1. Tên Công ty - Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244; - Tên tiếng Anh : ACC-244 Joint Stock Company; - Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244; - Tên viết tắt : ACC-244 JSC; 2. Hình thức Công ty. <u>Công ty là doanh nghiệp được chuyển đổi</u>	Chương II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, <u>ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH</u>, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, <u>địa điểm kinh doanh</u> và thời hạn hoạt động của Công ty 1. Tên Công ty - Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244; - Tên tiếng Anh : ACC-244 Joint Stock Company; - Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244; - Tên viết tắt : ACC-244 JSC; 2. Hình thức Công ty. Công ty được tổ chức quản lý dưới hình

<u>từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và là công ty con của Tổng Công ty xây dựng công trình hàng không ACC. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</u> 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ trụ sở chính: 164 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Hà Nội; - Điện thoại: (84.24).35651528/35652030; - Fax : (84.24).38522622; - E-mail : info@acc244.com.vn; - Website : www.acc244.com.vn. 4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 <u>Điều 53</u> hoặc gia hạn hoạt động theo <u>Điều 54</u> Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	thức công ty cổ phần theo nội dung quy định tại Chương V Luật doanh nghiệp. 3. Trụ sở đăng ký của Công ty - Địa chỉ trụ sở chính: 164 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Hà Nội; - Điện thoại: (84.24).35651528/35652030; - Fax : (84.24).38522622; - E-mail : info@acc244.com.vn; - Website : www.acc244.com.vn. 4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 <u>Điều 56</u> hoặc gia hạn hoạt động theo <u>Điều 57</u> Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Công ty có 1 người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. 2. Quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện theo <u>Điều 13 và Điều 14</u> của Luật Doanh nghiệp. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Công ty có 1 người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. 2. Quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện theo <u>Điều 12 và Điều 13</u> của Luật doanh nghiệp. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 4. Tổ chức Đảng CSVN, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác 1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ tổ chức. 2. Doanh nghiệp có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp; không được cản trở, gây	Điều 4. Tổ chức Đảng CSVN, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác 1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ tổ chức. 2. Doanh nghiệp có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp; không được cản trở, gây

khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này. (Bỏ các từ gạch chân)	khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này. (Thêm các từ gạch chân)
Chương III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty Kinh doanh đa ngành, trong đó xây dựng là ngành kinh doanh chính; bảo toàn và phát triển vốn, từng bước phát triển thành Công ty có danh tiếng và thị phần cao trong nước; áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào hoạt động kinh doanh và quản lý; tối đa hiệu quả hoạt động nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động ngày càng cao. (Bỏ các từ gạch chân)	Chương III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty Kinh doanh đa ngành, trong đó xây dựng là ngành kinh doanh chính; bảo toàn và phát triển vốn, từng bước phát triển thành Công ty có danh tiếng và thị phần cao trong nước; áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào hoạt động kinh doanh và quản lý; tối đa hiệu quả hoạt động nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động ngày càng cao. (Thêm các từ gạch chân)
Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. (Bỏ các từ gạch chân)	Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. (Thêm các từ gạch chân)
Chương IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần 1. Vốn điều lệ của Công ty là 29.408.620.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ bốn trăm linh tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.940.862 cổ phần. Cổ phần phát hành lần đầu: 2.940.862 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần	Chương IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần 1. Vốn điều lệ của Công ty là 29.408.620.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ bốn trăm linh tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.940.862 cổ phần. Cổ phần phát hành lần đầu: 2.940.862 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần

10.000 đồng; Trong đó: Cổ phần nhà nước: 1.990.862 cổ phần, tương ứng 67,70% vốn điều lệ. 2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại <u>Điều 12 và Điều 13</u> của Điều lệ này. ... (Bỏ các từ gạch chân)	10.000 đồng; Trong đó: Cổ phần nhà nước: 1.990.862 cổ phần, tương ứng 67,70% vốn điều lệ. 2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 13 <u>và Điều 14</u> của Điều lệ này. ... (Thêm các từ gạch chân)
Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu 1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. 2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 <u>Điều 120</u> Luật doanh nghiệp. 3. Trong thời hạn (02) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. 4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, <u>bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng</u>, người sở hữu <u>cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</u> (Bỏ các từ gạch chân)	Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu 1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. 2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 <u>Điều 121</u> Luật doanh nghiệp. 3. Trong thời hạn (02) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. 4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, <u>bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau:</u> <u>a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</u> <u>b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</u> (Thêm các từ gạch chân)

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác. <u>Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u> 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 11. Thu hồi cổ phần 1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty. 2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi. 3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 <u>Điều 111</u> Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối	Điều 11. Thu hồi cổ phần 1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty. 2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi. 3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 <u>Điều 112</u> Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối

theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. 5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó. 6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. 5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó. 6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng Giám đốc. <i>(Bỏ các từ gạch chân).</i>	Chương V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng Giám đốc. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG Điều 13. Quyền của cổ đông 1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp	Chương VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG Điều 13. Quyền của cổ đông 1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp

vào Công ty. 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; d. Ưu tiên mua <u>cổ phiếu mới chào bán</u> tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông <u>mà họ sở hữu</u>; e. Xem xét, tra cứu và trích lục <u>các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác</u>; f. <u>Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</u>; g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật; i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <u>Điều 129</u> Luật doanh nghiệp; j. Các quyền khác theo quy định của pháp	vào Công ty. 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; d. Ưu tiên mua <u>cổ phần mới</u> tương ứng với tỷ lệ <u>sở hữu</u> cổ phần phổ thông <u>của từng cổ đông trong Công ty</u>; e. Xem xét, tra cứu và trích lục <u>thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình</u>; f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật; h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <u>Điều 132</u> Luật doanh nghiệp; i. <u>Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật</u>; j. <u>Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp</u>; k. Các quyền khác theo quy định của pháp
---	--

luật và Điều lệ này. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có các quyền sau: a. <u>Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;</u> b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;</u> c. <u>Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</u> d. <u>Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</u> e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	luật và Điều lệ này. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u> có các quyền sau: a. <u>Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</u> b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp; c. <u>Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</u> d. <u>Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</u> e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u> có các
---	---

	<u>quyền đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 26 Điều lệ này;</u>
(Bỏ các từ gạch chân)	(Thêm các từ gạch chân)
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau: 1. Tuân thủ Điều lệ công ty và <u>các</u> quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. 3. Thanh toán <u>tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</u> 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành. 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:	Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau: 1. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế <u>quản trị</u> nội bộ của Công ty; chấp hành <u>nghị quyết</u>, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. 3. Thanh toán <u>đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</u> 4. <u>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</u> 5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. 6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành. 7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty. <u>8. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan <u>có thẩm quyền</u> cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 2. Hội đồng quản trị <u>phải</u> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trong phạm vi Thành phố Hà Nội. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 15. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông <u>gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết</u>, là cơ quan <u>quyết định</u> cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u> Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. 2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trong phạm vi Thành phố Hà Nội. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông

thường niên để giải thích các nội dung liên quan. 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b. Báo cáo tài chính quý, sáu tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này; d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 160</u> Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;	thường niên để giải thích các nội dung liên quan. 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b. Báo cáo tài chính quý, sáu tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; c. Số thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban Kiểm soát</u> ít hơn số thành viên <u>tối thiểu</u> theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này; d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 165</u> Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;
--	---

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp</u>; c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp</u>. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp</u>; c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp</u>. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại. d. <u>Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 16. Quyền và <u>nhiệm vụ</u> của Đại hội đồng cổ đông <u>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</u> a. <u>Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</u> b. <u>Báo cáo của Hội đồng quản trị;</u> c. <u>Báo cáo của Ban kiểm soát;</u> d. <u>Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</u>	Điều 16. Quyền và <u>nghĩa vụ</u> của Đại hội đồng cổ đông <u>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:</u> a. <u>Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</u> b. <u>Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</u> c. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên</u>

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường <u>thông qua quyết định về</u> các vấn đề sau: a. <u>Thông qua báo cáo tài chính năm;</u> b. <u>Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp</u>	Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; d. <u>Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính của Công ty;</u> đ. <u>Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</u> e. <u>Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</u> g. <u>Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.</u> h. <u>Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;</u> i. <u>Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</u> k. <u>Quyết định tổng mức thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u> l. <u>Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u> m. <u>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</u> n. <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</u> 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường <u>thảo luận và thông qua</u> các vấn đề sau: a. <u>Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</u> b. <u>Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</u> c. <u>Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</u> d. <u>Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</u> đ. <u>Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;</u> e. <u>Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần cùng loại.</u>
--	---

<u>và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</u> <u>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</u> <u>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u> <u>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</u> <u>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</u> <u>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</u> <u>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</u> <u>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</u> <u>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;</u> <u>l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</u> <u>m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</u> <u>n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</u> <u>o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u> <u>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</u> <u>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có</u>	<u>g. Các vấn đề thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại khoản 1 Điều 140 Luật doanh nghiệp.</u> <u>h. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u>
--	---

<u>liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</u> <u>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</u> <u>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 17. Đại diện theo ủy quyền</u> <u>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</u> <u>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</u> <u>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</u> <u>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</u> <u>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền</u>	<u>Điều 17. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</u> <u>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.</u> <u>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</u> <u>3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</u> <u>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u> <u>b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</u>

<u>dự họp.</u> <u>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</u> <u>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</u> <u>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</u> <u>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</u> <u>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</u> <u>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</u> <u>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u> <u>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 18. Thay đổi các quyền</u> <u>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu</u>	

<u>một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</u> <u>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20 và Điều 22 Điều lệ này.</u> <u>3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	
<u>Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</u> 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 15 Điều lệ này</u> 2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</u>	<u>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</u> 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này.</u> 2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự</u>

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; g. Các công việc khác phục vụ đại hội. 3. <u>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch).</u> Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>mười lăm (15) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). <u>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</u> a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;	<u>họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</u> b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; g. Các công việc khác phục vụ đại hội. 3. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi một (21) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). <u>Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</u> 4. <u>Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.</u> 5. <u>Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</u> a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp <u>và dự thảo nghị quyết đối với</u>
---	---

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; c. Phiếu biểu quyết; d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; <u>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</u> <u>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</u> <u>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</u> a. Kiến nghị được gửi đến không đúng <u>thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</u> b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ <u>10%</u> cổ phần phổ thông trở lên <u>trong thời gian liên tục ít</u>	<u>từng vấn đề trong chương trình họp;</u> b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; c. Phiếu biểu quyết; d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. <u>6. Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 5 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.</u> <u>7. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</u> <u>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 7 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</u> a. Kiến nghị được gửi đến không đúng <u>quy định tại khoản 7 Điều này;</u> b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ <u>05%</u> tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại
---	---

<u>nhất sáu (06) tháng</u> theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này; c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	khoản 3 Điều 13 Điều lệ này; c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. <u>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 7 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</u> 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>cho ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <u>triệu tập</u> lần thứ hai <u>chỉ</u> được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>ít nhất 33%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành <u>do không có đủ số đại biểu cần thiết</u> trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ	<u>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</u> 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 50%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất <u>không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này</u> trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <u>lần thứ hai</u> phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>từ 33%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết <u>trở lên</u>. 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành <u>theo quy định tại khoản 2 Điều này</u> trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ

đồng dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	đồng dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u> 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ cuộc họp.</u> 3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc <u>có quyền</u> đăng ký <u>ngay</u> và <u>sau đó</u> có quyền tham gia <u>và</u> biểu quyết <u>tại đại hội</u> ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số.	<u>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u> 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông <u>dự họp</u> và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u> 3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền <u>dự họp</u> đến sau khi cuộc họp đã khai mạc <u>vẫn được</u> đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. 4. Việc bầu chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ <u>hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập.</u> Trường hợp Chủ

Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát <u>điều khiển</u> để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>điều khiển cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp. 5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ <u>và chi tiết</u> thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. 6. Chủ tọa đại hội <u>có thể tiến hành</u> các hoạt động cần thiết <u>để điều khiển</u> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách <u>hợp lệ</u>, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số <u>đại biểu tham dự</u>. 7. Chủ tọa đại hội <u>có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông</u> đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 <u>Điều 142</u> Luật doanh nghiệp. 8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. <u>Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân</u>	tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát <u>điều hành</u> để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a <u>khoản này</u>, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>điều hành để</u> Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp; c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm <u>thư ký cuộc họp</u>; d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người và ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. 5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. 6. Chủ tọa đại hội <u>có quyền thực hiện</u> các biện pháp cần thiết <u>và hợp lý để điều hành</u> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, <u>đúng</u> theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số <u>người dự họp</u>. 7. Chủ tọa đại hội <u>có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u> đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và <u>chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp</u> theo quy định tại khoản 8 <u>Điều 146</u> Luật doanh nghiệp. 8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền: a. Yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.
--	---

<u>thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</u> 9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để: a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. 10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể: a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”); b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội; Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này. 11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội. 12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	<u>b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</u> 9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để: a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. 10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể: a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”); b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội; Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này. 11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội. 12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
--	---

(Bỏ các từ gạch chân)	(Thêm các từ gạch chân)
Điều 22. Thông qua <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông 1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi <u>có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u>: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc. 2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp. 3. <u>Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u>	Điều 21. Thông qua <u>ng nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông 1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây được thông qua khi <u>được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u>: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc. 2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp. 3. <u>Ng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sau sẽ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tán thành hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u> a. <u>Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;</u> b. <u>Loại cổ phần và số lượng cổ phần từng loại;</u> c. <u>Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u> d. <u>Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</u> đ. <u>Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</u> e. <u>Tổ chức lại, giải thể Công ty;</u> 4. <u>Trường hợp thông qua ng nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì ng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán</u>

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>thành.</u> 5. <u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua.</u> 6. <u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u> 7. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. 2. Hội đồng quản trị <u>phải</u> chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông <u>và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</u> Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện	<u>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật doanh nghiệp.</u> 2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết <u>và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.</u> Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại <u>khoản 2 Điều 18 Điều lệ này.</u> Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo

theo quy định tại khoản 3 <u>Điều 19 Điều lệ này</u>. 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích lấy ý kiến; c. Họ, tên, địa chỉ <u>thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u> d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua <u>quyết định</u>; e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u> 4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, <u>hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</u> 5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau: a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty <u>nhận được</u>	được thực hiện theo quy định tại khoản 3, <u>khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 Điều lệ này</u>. 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích lấy ý kiến; c. Họ, tên, địa chỉ <u>liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u> d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua; e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, <u>của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</u> 5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau: a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu; Các phiếu lấy ý kiến <u>gửi về</u> Công ty sau
---	--

sau thời hạn <u>đã</u> xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư <u>hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu</u> trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết. 6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <u>không phải là người điều hành doanh nghiệp</u>. Biên bản kiểm phiếu phải <u>có</u> các nội dung chủ yếu sau đây: - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; <u>Các vấn đề đã được thông qua;</u> - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>người đại diện theo pháp luật của Công ty</u>, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác. 7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong <u>vòng</u> mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty <u>trong</u>	thời hạn xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư <u>hoặc bị tiết lộ</u> trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết; 6. Hội đồng quản trị <u>tổ chức</u> kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, <u>giám sát</u> của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <u>không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty</u>. Biên bản kiểm phiếu phải <u>bao gồm</u> các nội dung chủ yếu sau đây: - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; - Vấn đề đã được thông qua <u>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</u> - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác. 7. Biên bản kiểm phiếu và <u>nghị quyết</u> phải được gửi đến các cổ đông trong <u>thời hạn</u> mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu <u>và nghị quyết</u> có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông
--	--

<u>vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</u> 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <u>ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết <u>chấp thuận</u> và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	tin điện tử của Công ty. 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <u>trên 50%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết <u>tán thành</u> và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</u> 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và <u>có</u> các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp; d. Họ, tên chủ tọa và thư ký; e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp; f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;	<u>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</u> 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và <u>phải bao gồm</u> các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp; d. Họ, tên chủ tọa và thư ký; e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong <u>nội dung</u> chương trình họp; f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được <u>lập</u> xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải <u>chịu trách nhiệm liên đới</u> về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được <u>công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho</u> tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; i. <u>Họ, tên</u> chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được <u>làm</u> xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải <u>liên đới chịu trách nhiệm</u> về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. 3. <u>Nghị quyết</u>, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi <u>đến</u> tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; <u>việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</u> 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, <u>nghị quyết đã được thông qua</u> và tài liệu có liên quan <u>gửi kèm theo thông báo mời họp</u> phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u> Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án	<u>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u> Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được <u>nghị quyết hoặc</u> biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến <u>Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm</u> cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại

hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 4 Điều 22</u> Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <u>ngợi quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết</u> Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 7 Điều 21</u> Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ <u>Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</u> 1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, <u>thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố</u> tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn;	Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ <u>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</u> 1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, <u>Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên</u> tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, <u>cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty</u> nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; <u>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</u> f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); i. Các thông tin khác (nếu có). <u>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:</u> a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (01) một ứng cử viên; b. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (02) hai ứng cử viên; c. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (03) ba ứng cử viên; d. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (04) bốn ứng cử viên; e. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (05) năm ứng cử viên; f. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên; 3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới	c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; <u>e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</u> f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty <u>và bên có liên quan của Công ty</u> (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); i. Các thông tin khác (nếu có). <u>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này:</u> a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (01) một ứng cử viên; b. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (02) hai ứng cử viên; c. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (03) ba ứng cử viên; d. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (04) bốn ứng cử viên; e. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (05) năm ứng cử viên; f. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên; 3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới
---	--

thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</u> 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là <u>(05) năm</u> người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. <u>Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</u> a. <u>Đối với công ty đại chúng chưa niêm yết: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</u> b. <u>Đối với công ty niêm yết: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</u> 3. <u>Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</u> a. Không đủ <u>tư cách</u> làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;	<u>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</u> 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. <u>Trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</u> 3. <u>Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:</u> a. <u>Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;</u> b. <u>Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;</u> c. <u>Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;</u> d. <u>Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.</u> 4. <u>Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp, cụ thể:</u> a. Không đủ <u>tiêu chuẩn và điều kiện</u> làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại <u>Điều 155</u> của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức; c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 5. <u>Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.</u> (Bỏ các từ gạch chân)	b. Có đơn từ chức <u>và được chấp thuận</u>; c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 6. <u>Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.</u> 7. <u>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</u> a. <u>Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</u> b. <u>Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</u> (Thêm các từ gạch chân)
<u>Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</u> 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và	<u>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</u> 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh

<u>nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</u> 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. <u>Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</u> d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người <u>điều hành khác</u>; e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người <u>điều hành</u> doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người <u>điều hành</u> đó; f. Quyết định cơ cấu tổ chức của <u>Công ty</u>, <u>việc</u> thành lập công ty con, <u>lập</u> chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; g. <u>Đề xuất</u> việc tổ chức lại <u>hoặc</u> giải thể Công ty; h. <u>Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty</u> sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông; i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định; j. <u>Đề xuất</u> mức cổ tức <u>hàng năm</u>; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức; k. <u>Đề xuất các</u> loại cổ phần <u>phát hành</u> và	<u>Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</u> 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của họ;</u> d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người <u>quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty</u>; e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người <u>quản lý</u> doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người <u>quản lý</u> đó; f. Quyết định cơ cấu tổ chức, <u>quy chế quản lý nội bộ của Công ty</u>, <u>quyết định</u> thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; g. <u>Kiến nghị</u> việc tổ chức lại, giải thể Công ty; <u>yêu cầu phá sản Công ty</u>; h. <u>Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị nội bộ công ty</u> sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông; i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua <u>ngợi quyết</u>; j. <u>Kiến nghị</u> mức cổ tức <u>được trả</u>; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức; k. <u>Kiến nghị</u> loại cổ phần và tổng số cổ
---	---

tổng số cổ phần <u>phát hành theo từng loại</u>; 1. <u>Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền</u>; m. Quyết định <u>giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền</u>; n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, <u>báo cáo quản trị công ty</u> lên Đại hội đồng cổ đông; o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc; p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có). 3. <u>Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn</u>: a. <u>Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty</u>; b. <u>Thành lập các công ty con của Công ty</u>; c. <u>Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty</u>; d. <u>Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty</u>; e. <u>Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty</u>; f. <u>Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch</u>	<u>phần được quyền chào bán của từng loại. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác</u>; 1. <u>Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật doanh nghiệp</u>; m. Quyết định <u>giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty</u> trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông; o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc; p. <u>Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật. Quyết định giải pháp phát triển thi trường, tiếp thị và công nghệ</u>; q. <u>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</u>; r. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có). 3. <u>Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết</u>. 4. <u>Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên</u>.
--	---

kinh doanh và ngân sách vượt quá ... đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, cụ thể là:

a. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

b. Thù lao chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật doanh nghiệp;

c. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

d. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty. (Bỏ các từ gạch chân)	<u>liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</u> <u>e. Các kế hoạch trong tương lai.</u> 6. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty. (Thêm các từ gạch chân)
<u>Điều 29. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</u> 1. <u>Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</u> 2. <u>Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</u> 3. <u>Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần,</u>	<u>Điều 28. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</u> 1. <u>Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;</u> 2. <u>Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;</u> 3. <u>Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u>

<u>lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u> <u>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	
<u>Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> <u>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Tổng Giám đốc Công ty khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</u> <u>2. Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</u> <u>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</u> a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b. Chuẩn bị <u>hoặc tổ chức việc chuẩn bị</u> chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c. Tổ chức việc thông qua <u>quyết định</u> của Hội đồng quản trị; d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các <u>quyết định</u> của Hội đồng quản trị; đ. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông; e. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. <u>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó</u>	<i>(Thêm các từ gạch chân)</i> <u>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> <u>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị đáp ứng theo quy định tại Điều 156 Luật doanh nghiệp.</u> <u>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</u> a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, <u>chủ trì</u> và <u>làm</u> chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c. Tổ chức việc thông qua <u>nghị quyết</u>, quyết định của Hội đồng quản trị; d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các <u>nghị quyết</u>, quyết định của Hội đồng quản trị; đ. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông; e. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. <u>3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt <u>hoặc không thể thực hiện được nhiệm</u></u>

<u>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.</u> <u>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông:</u> <u>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</u> 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong	<u>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</u> 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01)

số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. <u>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</u> <u>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</u> a. Ban kiểm soát; b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người <u>điều hành</u> khác; c. <u>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</u> d. <u>Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</u> e. Các trường hợp khác (nếu có). <u>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.</u> <u>5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</u> <u>6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa</u>	người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. <u>2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.</u> <u>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</u> a. <u>Có đề nghị của Ban kiểm soát;</u> b. <u>Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;</u> c. <u>Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</u> d. <u>Các trường hợp khác (nếu có).</u> <u>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</u> <u>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</u>
--	---

điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty;

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp

<u>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</u> <u>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</u> <u>Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ toạ cuộc họp.</u> <u>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</u> <u>10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</u> <u>11. Biểu quyết</u> <u>a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</u> <u>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về</u>	<u>và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</u> <u>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u> <u>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</u> <u>10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</u> <u>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</u> <u>12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u>
--	---

những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ toạ là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị

<u>có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</u> <u>15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ toạ và người ghi biên bản.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</u> <u>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</u> <u>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</u>	<u>Điều 31. Biên bản họp Hội đồng quản trị</u> <u>1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</u> <u>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</u> <u>b. Thời gian, địa điểm họp;</u> <u>c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;</u> <u>d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</u> <u>đ. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</u> <u>e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</u> <u>g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</u> <u>h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</u> <u>i. Họ, tên, chữ ký chủ toạ và người ghi</u>

(Bỏ các từ gạch chân)	<u>biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;</u> <u>2. Trường hợp chủ toạ, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</u> <u>3. Chủ toạ, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</u> <u>4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u> <u>5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</u> (Thêm các từ gạch chân)
<u>Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty</u> 1. Hội đồng quản trị <u>chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</u> 2. <u>Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</u> a. Có hiểu biết về pháp luật; b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị. 3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm <u>Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm</u>	<u>Điều 32. Thư ký công ty</u> 1. Hội đồng quản trị <u>bổ nhiệm một (01) người làm Thư ký công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.</u> 2. <u>Thư ký công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</u> a. Có hiểu biết về pháp luật; b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị. 3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm <u>Thư ký công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</u>

<u>Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</u> 4. <u>Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</u> a. <u>Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</u> b. <u>Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</u> c. <u>Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</u> d. <u>Tham dự các cuộc họp;</u> e. <u>Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</u> f. <u>Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</u> g. <u>Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</u> h. <u>Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</u> i. <u>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	4. <u>Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</u> a. <u>Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</u> b. <u>Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</u> c. <u>Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;</u> d. <u>Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</u> đ. <u>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương VIII TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC <u>Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý</u> Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng	Chương VIII TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC <u>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</u> Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng

quản trị. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	quản trị. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 35. Người điều hành doanh nghiệp</u> 1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức. 2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với <u>Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định</u> sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp</u> 1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức. 2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
	<u>Điều 35. Trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp</u> 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng có trách nhiệm sau đây: a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty; c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp; đ. Trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
	Điều 36. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc 1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây: a. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này; b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao; c. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty được tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện. 3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

	<i>(Thêm các từ gạch chân)</i> Điều 37. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan 1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây: a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ; b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ; c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp. 2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính của Công ty. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết. 3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây: a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này; b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
--	--

	4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật doanh nghiệp. 5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó. 6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</u> 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác</u>. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm <u>và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty</u>. 2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể <u>được tái bổ nhiệm</u>.	<u>Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</u> 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng giám đốc. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm. 2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể <u>được bổ nhiệm lại</u>

<u>Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u> <u>Tổng Giám đốc công ty không được đồng thời làm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp khác.</u> 3. Tổng giám đốc có <u>các</u> quyền và nghĩa vụ sau: a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không <u>cần phải có quyết định</u> của Hội đồng quản trị; b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và <u>kế hoạch</u> đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị <u>và</u> Đại hội đồng cổ đông thông qua; d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty; đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; e. Quyết định lương và <u>phụ cấp (nếu có)</u> đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc; g. Tuyển dụng lao động; h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; i. Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính những năm tiếp theo.	<u>với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> <u>Tổng giám đốc Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:</u> a. <u>Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;</u> b. <u>Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ;</u> c. <u>Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.</u> 3. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây: a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không <u>thuộc thẩm quyền</u> của Hội đồng quản trị; b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, <u>quyết định</u> của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và <u>phương án</u> đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị <u>hoặc</u> Đại hội đồng cổ đông thông qua; d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; e. Quyết định tiền lương và <u>lợi ích khác</u> đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; g. Tuyển dụng lao động; h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh i. Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính những năm tiếp theo.
--	--

k. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; l. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. 4. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, <u>hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.</u> <u>5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</u> <u>6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	k. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; l. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. 4. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và <u>ngghi quyết</u>, quyết định của Hội đồng quản trị, <u>chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Trường hợp</u> điều hành trái với quy định <u>tại khoản</u> này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương IX BAN KIỂM SOÁT <u>Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</u> 1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu <u>ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát như sau: a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên; b. Cổ đông, nhóm cổ đông sẽ hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên; c. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên; d. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 65%	Chương IX BAN KIỂM SOÁT <u>Điều 39. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</u> 1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u> có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát như sau: a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một <u>(01)</u> ứng cử viên; b. Cổ đông, nhóm cổ đông sẽ hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai <u>(02)</u> ứng cử viên; c. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba <u>(03)</u> ứng cử viên; d. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 65%

trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên;

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên;

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế quản trị nội bộ công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác;

đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

<i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 38. Kiểm soát viên</u> 1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là (03) ba người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Kiểm soát viên phải <u>đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</u> a) <u>Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</u> b) <u>Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</u> 3. <u>Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</u>	<u>Điều 40. Kiểm soát viên</u> 1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Kiểm soát viên phải <u>có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</u> a. <u>Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;</u> b. <u>Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</u> c. <u>Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;</u> d. <u>Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;</u> đ. <u>Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.</u> e. <u>Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ và tại Công ty.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
	<u>Điều 41. Trưởng Ban kiểm soát</u> 1. <u>Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</u> 2. <u>Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</u>

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 39. Ban kiểm soát</u> 1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <u>Điều 165</u> Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau: a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, <u>sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</u> d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; f. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp. g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều	<u>Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</u> 1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <u>Điều 170 và Điều 171</u> Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau: a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác <u>trong quản lý và điều hành Công ty;</u> d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; f. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp. g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều

hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị. 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. 4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên <u>do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>	hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị. 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. 4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên: a. <u>Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;</u> b. <u>Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;</u> c. <u>Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng</u> Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có	<u>Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng</u> Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có

trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các <u>tiểu ban của Hội đồng quản trị</u>, một các trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một các trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 41.</u> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <u>Điều 159</u> Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác. ... <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 44.</u> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <u>Điều 164</u> Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác. ... <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 42.</u> Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 45.</u> Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY <u>Điều 43.</u> Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 1. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</u>	Chương XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY <u>Điều 46.</u> Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 1. <u>Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</u> a. <u>Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</u> b. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật</u>

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền <u>kiểm tra</u> sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật. 3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này. 4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>kinh doanh của Công ty.</u> 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền <u>tra cứu</u> sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật. 3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này. 4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN <u>Điều 44.</u> Công nhân viên và công đoàn 1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp. 2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	Chương XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN <u>Điều 47.</u> Công nhân viên và công đoàn 1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp. 2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>

(Bỏ các từ gạch chân)	
Chương XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN <u>Điều 45. Phân phối lợi nhuận</u> 1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. 2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu. 3. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty. 4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này. 5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. 6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. 7. Trước khi chia cổ tức, Công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế lập các quỹ theo quy định và được Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ	Chương XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN <u>Điều 48. Phân phối lợi nhuận</u> 1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. 2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu. 3. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. 4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này. 5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. 6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. 7. Trước khi chia cổ tức, Công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế lập các quỹ theo quy định và được Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ

đồng chấp thuận. 8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	đồng chấp thuận. 8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN <u>Điều 46.</u> Tài khoản ngân hàng 1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. 2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật. 3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Chương XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN <u>Điều 49.</u> Tài khoản ngân hàng 1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. 2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật. 3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 47.</u> Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng (01) Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ (31) Ba mươi một của tháng (12) Mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 50.</u> Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng (01) Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ (31) Ba mươi một của tháng (12) Mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 48.</u> Chế độ kế toán 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ	<u>Điều 51.</u> Chế độ kế toán 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ

Tài chính chấp thuận. 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. 3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Tài chính chấp thuận. 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. 3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương XV BÁO CÁO <u>THƯỜNG NIÊN</u>, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN <u>Điều 49.</u> Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý <u>1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và công ty mẹ, cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</u> <u>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</u> <u>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo</u>	Chương XV BÁO CÁO <u>HẰNG NĂM</u> VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN <u>Điều 52.</u> Báo cáo <u>hàng năm</u> <u>1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:</u> <u>a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;</u> <u>b. Báo cáo tài chính;</u> <u>c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;</u> <u>d. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.</u> <u>2. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.</u> <u>3. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</u> <u>4. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ</u>

<u>tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của công ty mẹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</u> <u>4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</u> <u>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 50. Báo cáo thường niên</u> <u>Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u>	<u>Điều 53. Công khai thông tin</u> <u>1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.</u> <u>2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:</u> <u>a. Điều lệ công ty;</u> <u>b. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc công ty;</u> <u>c. Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u> <u>d. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</u> <u>3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi Công ty có trụ sở chính chậm nhất là ba (03) ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ,</u>

<i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>tên, quốc tịch, số Hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là tổ chức nước ngoài và họ, tên, quốc tịch, số Hộ chiếu, địa chỉ liên lạc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.</u> <u>4. Ngoài những nội dung trên, Công ty phải công khai thông tin theo quy định tại các điểm a, c, đ và g khoản 1 Điều 109 và Điều 110 của Luật doanh nghiệp.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 51. Kiểm toán</u> 1. Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên</u> chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. 2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. 4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 54. Kiểm toán</u> 1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. 2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. 4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương XVII <u>CON DẤU</u> <u>Điều 52. Con dấu</u>	Chương XVII <u>DẤU CỦA DOANH NGHIỆP</u> <u>Điều 55. Dấu của doanh nghiệp</u>

<u>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.</u> <u>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu</u> theo quy định của pháp luật hiện hành. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</u> <u>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</u> <u>3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu của doanh nghiệp</u> theo quy định của pháp luật hiện hành. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ <u>Điều 53. Chấm dứt hoạt động</u> 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Chương XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ <u>Điều 56. Chấm dứt hoạt động</u> 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 54. Gia hạn hoạt động</u> 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại	<u>Điều 57. Gia hạn hoạt động</u> 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại

cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 55. Thanh lý</u> 1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty. 2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính. 3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: a. Các chi phí thanh lý; b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; c. Nợ thuế; d. Các khoản nợ khác của Công ty; e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 58. Thanh lý</u> 1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty. 2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính. 3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: a. Các chi phí thanh lý; b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; c. Nợ thuế; d. Các khoản nợ khác của Công ty; e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ <u>Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ</u>	Chương XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ <u>Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ</u>

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa: a. Cổ đông với Công ty; b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác; Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp. 2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế. 3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa: a. Cổ đông với Công ty; b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác; Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp. 2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế. 3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương XX MỐI QUAN HỆ VỚI CÔNG TY MẸ <u>Điều 57.</u> Mối quan hệ với Công ty mẹ 1. Công ty chịu sự quản lý trực tiếp của Công ty mẹ với tư cách là bên quản lý cổ phần, vốn góp chi phối thông qua việc cử người đại diện trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối của Công ty mẹ. 2. Công ty mẹ có quyền: Cử, bãi miễn,	Chương XX MỐI QUAN HỆ VỚI CÔNG TY MẸ <u>Điều 60.</u> Mối quan hệ với Công ty mẹ 1. Công ty chịu sự quản lý trực tiếp của Công ty mẹ với tư cách là bên quản lý cổ phần, vốn góp chi phối thông qua việc cử người đại diện trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối của Công ty mẹ. 2. Công ty mẹ có quyền: Cử, bãi miễn,

khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện phần vốn góp chi phối. 3. Người đại diện của Công ty mẹ tại Công ty có quyền và nghĩa vụ sau: a. Chịu trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của Công ty với Công ty mẹ theo quy định và yêu cầu của Công ty mẹ; b. Chịu trách nhiệm trước công ty mẹ và phải xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại Công ty; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Công ty mẹ; c. Nộp cổ tức từ phần vốn góp về Công ty mẹ theo quy định; d. Chịu sự giám sát, kiểm tra của Công ty mẹ về việc sử dụng phần vốn góp; e. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn góp của Công ty mẹ; f. Xác định nguồn thu từ bán cổ phần (thặng dư vốn) nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Công ty mẹ để sử dụng theo quy định; g. Xây dựng phương án tăng vốn điều lệ và hình thức phát hành, lập phương án phân bổ các quỹ hàng năm báo cáo Công ty mẹ trước khi trình Đại hội đồng cổ đông. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện phần vốn góp chi phối. 3. Người đại diện của Công ty mẹ tại công ty có quyền và nghĩa vụ sau: a. Chịu trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của Công ty với Công ty mẹ theo quy định và yêu cầu của Công ty mẹ; b. Chịu trách nhiệm trước Công ty mẹ và phải xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại Công ty; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Công ty mẹ; c. Nộp cổ tức từ phần vốn góp về Công ty mẹ theo quy định; d. Chịu sự giám sát, kiểm tra của Công ty mẹ về việc sử dụng phần vốn góp; e. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn góp của Công ty mẹ; f. Xác định nguồn thu từ bán cổ phần (thặng dư vốn) nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Công ty mẹ để sử dụng theo quy định; g. Xây dựng phương án tăng vốn điều lệ và hình thức phát hành, lập phương án phân bổ các quỹ hàng năm báo cáo Công ty mẹ trước khi trình Đại hội đồng cổ đông. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương XXI BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ <u>Điều 58.</u> Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. 2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt	Chương XXI BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ <u>Điều 61.</u> Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. 2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt

động của Công ty. (Bỏ các từ gạch chân)	động của Công ty. (Thêm các từ gạch chân)
Chương XXII NGÀY HIỆU LỰC <u>Điều 59.</u> Ngày hiệu lực 1. Bản Điều lệ này gồm <u>22 chương 59</u> điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần ACC-244 nhất trí thông qua ngày 04 tháng 3 năm 2010 tại số 164, phố Lê Trọng Tấn, quận Thanh Xuân, Hà nội; được sửa đổi, bổ sung lần 01 ngày 11/3/2011; sửa đổi, bổ sung lần 02 ngày 30/3/2013; sửa đổi, bổ sung lần 03 ngày 26/4/2016; sửa đổi, bổ sung lần 04 ngày 24/4/2017; sửa đổi, bổ sung lần 05 ngày 23/4/2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Bản Điều lệ này có hiệu lực thay thế các bản Điều lệ ban hành trước đây. 2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó: a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương; b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố; c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. (Bỏ các từ gạch chân)	Chương XXII NGÀY HIỆU LỰC <u>Điều 62.</u> Ngày hiệu lực 1. Bản Điều lệ này gồm <u>22 chương 62</u> điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần ACC-244 nhất trí thông qua ngày 04 tháng 3 năm 2010 tại số 164, phố Lê Trọng Tấn, quận Thanh Xuân, Hà nội; được sửa đổi, bổ sung lần 01 ngày 11/3/2011; sửa đổi, bổ sung lần 02 ngày 30/3/2013; sửa đổi, bổ sung lần 03 ngày 26/4/2016; sửa đổi, bổ sung lần 04 ngày 24/4/2017; sửa đổi, bổ sung lần 05 ngày 23/4/2018; <u>sửa đổi, bổ sung lần 06 ngày .../4/2022</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Bản Điều lệ này có hiệu lực thay thế các bản Điều lệ ban hành trước đây. 2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó: a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương; b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố; c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. (Thêm các từ gạch chân)

Số: /TTr-HĐQT244

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ACC-244.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ACC-244 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế quản trị nội bộ công ty cho phù hợp với các quy định của Luật, Nghị định, Thông tư và thực tế hoạt động của Công ty, như sau:

- Sửa đổi tên “Quy chế nội bộ về quản trị công ty” thành “Quy chế quản trị nội bộ công ty”;
- Sửa đổi bổ sung một số từ ngữ và thêm nội dung Điều 1,2;
- Sửa đổi bổ sung tên Chương II;
- Viết bổ sung Điều 3, Điều 4;
- Điều 3 cũ viết lại thành Điều 5 mới;
- Điều 4 cũ sửa đổi tương ứng thành Điều 6 (do thêm 2 điều ở trên); đồng thời sửa đổi bổ sung một số từ ngữ;
- Viết bổ sung Điều 7, Điều 8 mới;
- Điều 5 cũ sửa đổi thành Điều 9 mới (do thêm tiếp 2 điều ở trên);
- Viết bổ sung Điều 10 mới;
- Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 cũ sửa đổi thành Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 mới (do thêm tiếp 1 điều ở trên); đồng thời sửa đổi bổ sung một số từ ngữ;
- Viết bổ sung Chương III mới;
- Viết bổ sung Điều 17 mới;

- Điều 12 cũ sửa đổi thành Điều 18 mới đồng thời sửa đổi bổ sung một số từ ngữ;
- Chương III cũ đổi thành Chương IV mới (do bổ sung Chương III mới) và sửa tên chương;
- Viết bổ sung Điều 19, Điều 20 mới;
- Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 cũ sửa đổi tương ứng thành Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26 mới; đồng thời sửa đổi một số nội dung từ ngữ;
- Viết bổ sung Điều 27, Điều 28 mới;
- Chương IV cũ đổi thành Chương V mới (do bổ sung Chương III mới);
- Viết bổ sung Điều 29 mới;
- Điều 19 cũ sửa đổi thành Điều 30 mới; đồng thời sửa đổi một số nội dung từ ngữ;
- Viết bổ sung Điều 31 mới;
- Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24 cũ sửa đổi thành Điều 32, Điều 33, Điều 34; Điều 35, Điều 36 mới; đồng thời sửa đổi một số nội dung từ ngữ;
- Chương V cũ sửa đổi thành Chương VI mới đồng thời chỉnh nội dung tên chương;
- Viết bổ sung Điều 37, Điều 38 mới;
- Điều 25 cũ sửa đổi thành Điều 39 mới; đồng thời sửa đổi một số nội dung từ ngữ;
- Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29 cũ sửa đổi tương ứng thành Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43 mới;
- Viết bổ sung Điều 44 mới;
- Bỏ Chương VI và Điều 30, Điều 31 cũ;
- Điều 32, Điều 33 cũ sửa đổi tương ứng thành Điều 45, Điều 46 mới; đồng thời sửa đổi một số nội dung từ ngữ;
- Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 44, Điều 45 cũ sửa đổi tương ứng thành Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58 mới.
- Đổi tên Chương X: “Người phụ trách quản trị công ty” thành “Thư ký công ty”;
- Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 51, Điều 52 cũ sửa đổi tương ứng thành Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 62, Điều 63, Điều 64, Điều 65 mới; đồng thời sửa đổi một số nội dung từ ngữ;

- Đổi tên Chương XII: “Sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị công ty” thành “Sửa đổi quy chế quản trị nội bộ công ty”;

- Điều 53, Điều 54 cũ sửa đổi tương ứng thành Điều 66, Điều 67 mới; đồng thời bổ sung một số nội dung từ ngữ.

(Nội dung chi tiết các sửa đổi, bổ sung nêu trên có Phụ Lục kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Doanh

Theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành năm 2018	Đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2022
QUY CHẾ <u>NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ</u> CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244 <i>(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 152/NĐ-ĐHĐCĐ244 ngày 23/4/2018)</i> Chương I QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy chế <u>nội bộ về quản trị</u> Công ty cổ phần ACC-244 được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, <u>Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017NĐ-CP ngày 06/6/2017, Điều lệ Công ty cổ phần ACC-244.</u> <u>Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty cổ phần ACC-244 để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người điều hành doanh nghiệp của Công ty.</u> <i>(Bỏ những từ gạch chân)</i>	QUY CHẾ <u>QUẢN TRỊ NỘI BỘ</u> CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244 <i>(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 152/NĐ-ĐHĐCĐ244 ngày 23/4/2018; <u>sửa đổi, bổ sung lần 01 ngày .../4/2022</u>)</i> Chương I QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh <u>và đối tượng áp dụng</u> Quy chế <u>quản trị nội bộ</u> Công ty cổ phần ACC-244 được xây dựng theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ Công ty cổ phần ACC-244. <u>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế quản trị nội bộ công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</u> <u>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.</u> <i>(Thêm những từ gạch chân)</i>
Điều 2. Giải thích từ ngữ 1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau: a. “Quản trị công ty”: là hệ thống các quy	Điều 2. Giải thích từ ngữ 1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau: a. “Quản trị công ty”: là hệ thống các quy

tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. b. “Công ty”: là Công ty cổ phần ACC-244. c. “Điều lệ”: là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông lần đầu và được sửa đổi, bổ sung thông qua ở từng thời điểm. d. “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty. <u>đ. “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “ĐHĐCĐ”: là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.</u> <u>e. “HDQT”: là Hội đồng quản trị Công ty.</u> <u>f. “BKS”: là Ban kiểm soát Công ty.</u> <u>g. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.</u> <u>h. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</u> <u>i. “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập”: là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.</u> <u>k. “Người điều hành doanh nghiệp”: là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.</u> <u>l. “Ban điều hành”: là Tổng giám đốc (hoặc Tổng giám đốc điều hành), Phó Tổng giám đốc (hoặc Phó Tổng giám đốc điều hành).</u> 2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó. <i>(Bỏ những từ gạch chân)</i>	tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. b. “Công ty”: là Công ty cổ phần ACC-244. c. “Điều lệ”: là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông lần đầu và được sửa đổi, bổ sung thông qua ở từng thời điểm. d. “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty. <u>đ. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 của Luật chứng khoán.</u> <u>e. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</u> <u>f. “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập”: là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.</u> <u>g. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</u> <u>h. “Ban điều hành”: là Tổng giám đốc (hoặc Tổng giám đốc điều hành), Phó Tổng giám đốc (hoặc Phó Tổng giám đốc điều hành).</u> 2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó. <i>(Thêm những từ gạch chân)</i>
--	--

CHƯƠNG II TRÌNH TỰ, THỦ TỤC <u>VỀ TRIỆU TẬP</u> <u>VÀ BIỂU QUYẾT</u> TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG II TRÌNH TỰ, THỦ TỤC <u>HỌP ĐẠI HỘI</u> <u>ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ</u> <u>QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT</u> TẠI CUỘC <u>HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</u> <u>Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</u> 1. <u>Vai trò Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u> 2. <u>Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ công ty.</u> <i>(Thêm những từ gạch chân)</i>
	<u>Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông</u> 1. <u>Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trong phạm vi Thành phố Hà Nội. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo.</u> 2. <u>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ công ty.</u> 3. <u>Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại khoản 4 Điều 15 Điều lệ công ty.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>

<u>Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ</u> <u>1. Thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày chốt danh sách.</u> <u>2. Lập xong danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại đại hội trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất ba mươi (30) ngày, thông qua Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 5. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp</u> <u>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.</u> <u>2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</u> <u>3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ</u> <u>1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu</u>	<u>Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</u> <u>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh</u>

tập hợp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>mười lăm (15) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; c. Phiếu biểu quyết; d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; <u>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>hai mươi một (21) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). <u>Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</u> Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp <u>và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</u> b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; c. Phiếu biểu quyết; d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
	<u>Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông</u> <u>Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ công ty.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
	<u>Điều 8. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</u> <u>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền</u>

	<u>của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.</u> <u>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</u> <u>3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</u> <u>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u> <u>b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</u> <u>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u> <u>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông quan gửi thư, fax, thư điện tử.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
--	--

<u>Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHDCĐ</u> Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</u> Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
	<u>Điều 10. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông</u> 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên. 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHDCĐ</u> 1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công	<u>Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong Đại hội đồng cổ đông</u> 1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công

ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</u> 2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc <u>có quyền</u> đăng ký <u>ngay</u> và <u>sau đó</u> có quyền tham gia <u>và</u> biểu quyết <u>tại đại hội</u> ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u> 2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền <u>đur họp</u> đến sau khi cuộc họp đã khai mạc <u>vẫn được</u> đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 7. Cách thức kiểm phiếu</u> 1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi <u>có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</u> - Thông qua báo cáo tài chính năm; - Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; - Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.	<u>Điều 12. Cách thức kiểm phiếu, điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u> 1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây được thông qua khi <u>được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành</u> hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: - Thông qua báo cáo tài chính năm; - Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; - Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 <u>Điều 144</u> Luật doanh nghiệp. 3. <u>Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u> 4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 <u>Điều 148</u> Luật doanh nghiệp. 3. <u>Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sau sẽ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tán thành hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u> a. <u>Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;</u> b. <u>Loại cổ phần và số lượng cổ phần từng loại;</u> c. <u>Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u> d. <u>Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</u> đ. <u>Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</u> e. <u>Tổ chức lại, giải thể Công ty;</u> 4. <u>Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</u> 5. <u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua</u> 6. <u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi cùng loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi cùng loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u> 7. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
---	--

<u>Điều 8. Thông qua kết quả kiểm phiếu</u> Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 13. Thông báo kết quả kiểm phiếu</u> Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo kết quả kiểm phiếu nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ</u> Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 4 Điều 22 Điều lệ công ty</u>. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u> Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được <u>nghị quyết hoặc</u> biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến <u>Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông</u> bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <u>nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết</u> Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 7 Điều 21 Điều lệ công ty</u>. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ</u> 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải	<u>Điều 15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</u> 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải

được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc

được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của

hợp. 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Công ty.</u> 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, <u>ngghi quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp</u> phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 11.</u> Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 16.</u> Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
	<u>CHƯƠNG III</u> <u>TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN</u> <u>Điều 17. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản</u> <u>Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật doanh nghiệp cụ thể thì các vấn đề sau phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</u> <u>1. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;</u> <u>2. Định hướng phát triển Công ty;</u>

	<u>3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u> <u>4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u> <u>5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</u> <u>6. Thông qua BCTC năm;</u> <u>7. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</u> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. 2. Hội đồng quản trị <u>phải</u> chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông <u>và</u> các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. <u>Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</u> Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 <u>Điều 19 Điều lệ này.</u> 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích lấy ý kiến; - Họ, tên, địa chỉ <u>thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân</u>	<u>Điều 18. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</u> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật doanh nghiệp.</u> 2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết <u>và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.</u> Việc lập danh sách cổ đông <u>gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty.</u> Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3, <u>khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 Điều lệ công ty.</u> 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích lấy ý kiến; - Họ, tên, địa chỉ <u>liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá</u>

<u>dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u> d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua <u>quyết định</u>; e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u> 4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, <u>hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</u> 5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau: a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty <u>nhận được</u> sau thời hạn <u>đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu</u> trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết. 6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <u>không phải là người điều hành doanh nghiệp.</u> Biên bản kiểm phiếu phải <u>có</u> các nội dung chủ yếu sau đây:	<u>nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u> d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua; e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, <u>của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</u> 5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau: a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu; Các phiếu lấy ý kiến <u>gửi về</u> Công ty sau thời hạn xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư <u>hoặc bị tiết lộ</u> trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết; 6. Hội đồng quản trị <u>tổ chức</u> kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, <u>giám sát</u> của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <u>không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.</u> Biên bản kiểm phiếu phải <u>bao gồm</u> các nội dung chủ yếu sau đây:
--	---

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; e. <u>Các vấn đề đã được thông qua;</u> f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>người đại diện theo pháp luật của Công ty</u>, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác. 7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong <u>vòng</u> mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty <u>trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</u> 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <u>ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết <u>chấp thuận</u> và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; e. Vấn đề đã được thông qua và <u>tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</u> f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác. 7. Biên bản kiểm phiếu và <u>nghị quyết</u> phải được gửi đến các cổ đông trong <u>thời hạn</u> mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và <u>nghị quyết</u> có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <u>trên 50%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết <u>tán thành</u> và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
--	--

CHƯƠNG III
THÀNH VIÊN HĐQT

CHƯƠNG IV
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, cụ thể là:

a. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

	<u>b. Thù lao chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật doanh nghiệp;</u> <u>c. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.</u> <u>d. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</u> <u>e. Các kế hoạch trong tương lai.</u> <u>6. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
--	--

	<u>Điều 20. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</u> <u>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> <u>2. Trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT</u> <u>1. HĐQT của công ty gồm năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> <u>2. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</u> <u>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;</u> <u>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;</u> <u>c. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 21. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị</u> <u>1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;</u> <u>2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;</u> <u>3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;</u> <u>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT</u> <u>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề</u>	<u>Điều 22. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị</u> <u>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định</u>

<u>cử các ứng viên HĐQT:</u> a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (01) một ứng cử viên; b. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (02) hai ứng cử viên; c. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (03) ba ứng cử viên; d. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (04) bốn ứng cử viên; e. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (05) năm ứng cử viên; f. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên; 3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty:</u> a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (01) một ứng cử viên; b. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (02) hai ứng cử viên; c. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (03) ba ứng cử viên; d. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (04) bốn ứng cử viên; e. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (05) năm ứng cử viên; f. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên; 3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 15.</u> Cách thức bầu thành viên HĐQT ... <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 23.</u> Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị ... <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 16.</u> Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:	<u>Điều 24.</u> Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp <u>bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế</u> theo quy định tại

a. Không đủ <u>tư cách</u> làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT; b. Có đơn từ chức; c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; e. Theo quyết định của ĐHĐCĐ; f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT; g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 160 Luật doanh nghiệp, cụ thể:</u> 1. Không đủ <u>tiêu chuẩn và điều kiện</u> làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại <u>Điều 155</u> của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; 2. Có đơn từ chức <u>và được chấp thuận</u>; 3. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; 4. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; 5. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; 6. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; 7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 17. Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</u> Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 25. Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</u> Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT</u> Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, <u>thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố</u> tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin	<u>Điều 26. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</u> Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, <u>Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên</u> tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm

cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: 1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; 2. Trình độ học vấn; 3. Trình độ chuyên môn; 4. Quá trình công tác; 5. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; 6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; 7. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); 8. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); 9. Các thông tin khác (nếu có). (Bỏ các từ gạch chân)	vụ một cách trung thực, <u>cẩn trọng</u> và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: 1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; 2. Trình độ học vấn; 3. Trình độ chuyên môn; 4. Quá trình công tác; 5. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); 6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; 7. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và bên có liên quan của Công ty (nếu có); 8. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); 9. Các thông tin khác (nếu có). (Thêm các từ gạch chân)
	<u>Điều 27. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị đáp ứng theo quy định tại Điều 156 Luật doanh nghiệp.</u> (Thêm các từ gạch chân)
	<u>Điều 28. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</u> <u>1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;</u>

	<u>2. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;</u> <u>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>CHƯƠNG IV</u> <u>HỌP HĐQT</u>	<u>CHƯƠNG V</u> <u>HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u> <u>Điều 29. Số lượng cuộc họp tối thiểu và các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường</u> <u>Hội đồng quản trị họp thường kỳ tối thiểu mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường khi xem xét thấy cần thiết để thảo luận các nội dung theo thẩm quyền hoặc khi có các đối tượng tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ công ty đề nghị bằng văn bản yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 19. Thông báo họp HĐQT</u> <u>1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</u>	<u>Điều 30. Thông báo họp Hội đồng quản trị</u> <u>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty;</u>

2. Thông báo mời họp <u>được</u> gửi bằng <u>thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác</u>, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị <u>và các Kiểm soát viên</u> được đăng ký tại Công ty. (Bỏ các từ gạch chân)	<u>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</u> (Thêm các từ gạch chân)
	<u>Điều 31. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát</u> <u>Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết</u> (Thêm các từ gạch chân)
<u>Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT</u> 1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có <u>ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</u> Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, <u>cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</u> <u>2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</u> <u>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</u> <u>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</u> <u>Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội</u>	<u>Điều 32. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị</u> 1. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có <u>từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp.</u> Trường hợp <u>cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;</u> <u>2. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</u> <u>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u> <u>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</u> <u>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u> <u>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</u>

<u>đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</u> <u>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 21. Cách thức biểu quyết</u> <u>1.Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều lệ công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều lệ công ty trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;</u> <u>2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</u> <u>3. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều lệ công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;</u> <u>4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</u> <u>5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được</u>	<u>Điều 33. Cách thức biểu quyết</u> <u>Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</u>

<u>biểu quyết.</u> (Bỏ các từ gạch chân)	(Thêm các từ gạch chân)
<u>Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT</u> 1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định. 2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. (Bỏ các từ gạch chân)	<u>Điều 34. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị</u> 1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định. 2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. (Thêm các từ gạch chân)
<u>Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT</u> <u>Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh phải được ghi đầy đủ, trung thực, có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.</u>	<u>Điều 35. Biên bản họp Hội đồng quản trị</u> <u>1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại khoản 1 Điều 31 Điều lệ công ty.</u> <u>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 31 Điều lệ công ty thì biên bản này có hiệu lực.</u> <u>3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</u> <u>4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</u> <u>5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</u>

<i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT</u> Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 36. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị</u> Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được thông báo tới các bên liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>CHƯƠNG V</u> <u>KIỂM SOÁT VIÊN</u>	<u>CHƯƠNG VI</u> <u>BAN KIỂM SOÁT</u> <u>Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát</u> <u>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 và Điều 171 Luật doanh nghiệp và khoản 1 Điều 43 Điều lệ công ty.</u> <u>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</u> <u>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
	<u>Điều 38. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát</u>

	<u>Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là (03) ba người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> <u>Thành phần cơ cấu Ban Kiểm soát bao gồm: 01 Trưởng Ban và 02 Kiểm soát viên.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên</u> <u>1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</u> <u>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</u> <u>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</u> <u>2. Kiểm toán viên công ty do Nhà nước nắm giữ > 50% Vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 39. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên</u> <u>Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</u> <u>1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;</u> <u>1. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</u> <u>3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;</u> <u>4. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;</u> <u>5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.</u> <u>6. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ và tại Công ty.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<i>Từ Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29 cũ sẽ chuyển tương ứng thành các Điều: Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43 mới</i>	
	<u>Điều 44. Thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên</u> <u>1. Kiểm soát viên được trả thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác vào ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;</u> <u>2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc</u>

	<u>lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</u> <u>3. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>CHƯƠNG VI</u> <u>CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT</u> <u>Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT</u> <u>HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT /thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	
<u>Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban</u> <u>Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.</u> <u>Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	
CHƯƠNG VII	CHƯƠNG VII

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP <u>Điều 32. Các tiêu chuẩn</u> của người điều hành doanh nghiệp 1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức. 2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với <u>Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP <u>Điều 45. Người điều hành doanh nghiệp</u> 1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức. 2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 33. Tổng giám đốc</u> 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.</u> Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm <u>và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</u> 2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể <u>được tái bổ nhiệm.</u> Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. <u>Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u> <u>Tổng Giám đốc công ty không được đồng thời làm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp khác.</u> 3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa	<u>Điều 46. Tổng giám đốc</u> 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng giám đốc. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm. 2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể <u>được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> <u>Tổng giám đốc công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 38 Điều lệ công ty.</u> 3. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ

<u>vụ sau:</u> a. <u>Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;</u> b. <u>Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;</u> — c. <u>Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u> d. <u>Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;</u> đ. <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</u> e. <u>Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;</u> g. <u>Tuyển dụng lao động;</u> h. <u>Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</u> i. <u>Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính những năm tiếp theo.</u> k. <u>Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</u> l. <u>Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.</u> 4. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, <u>hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công</u>	<u>quy định tại khoản 3 Điều 38 Điều lệ công ty.</u> 4. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và <u>nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty</u>
---	--

ty. <u>5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</u> <u>6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</u> (Bỏ các từ gạch chân)	thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty. (Thêm các từ gạch chân)
<i>Từ Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 44, Điều 45 cũ sẽ chuyển tương ứng thành các Điều: Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58 mới</i>	
CHƯƠNG X <u>NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</u> <u>Điều 46. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty</u> <u>1. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</u> <u>a. Có hiểu biết về pháp luật;</u> <u>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</u> <u>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</u> <u>2. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</u> <u>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</u> <u>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</u> <u>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</u>	CHƯƠNG X <u>THƯ KÝ CÔNG TY</u> <u>Điều 59. Tiêu chuẩn của Thư ký công ty</u> <u>1. Thư ký công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 32 Điều lệ công ty.</u> <u>2. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều 32 Điều lệ công ty.</u>

<u>d. Tham dự các cuộc họp;</u> <u>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</u> <u>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</u> <u>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</u> <u>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</u> <u>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
---	---------------------------------------

<u>Điều 47. Việc bổ nhiệm <u>Người phụ trách quản trị công ty</u></u> HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 60. Việc bổ nhiệm <u>Thư ký công ty</u></u> Hội đồng quản trị <u>bổ nhiệm</u> một (01) người làm <u>Thư ký</u> công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm <u>Người phụ trách quản trị công ty</u></u> Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm <u>Người phụ trách quản trị</u> công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. <u>Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 61. Các trường hợp miễn nhiệm <u>Thư ký công ty</u></u> Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm <u>Thư ký</u> công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 49. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm <u>Người phụ trách quản trị công ty</u></u> Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm <u>Người phụ trách quản trị</u> công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật về chứng khoán. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Điều 62. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm <u>Thư ký công ty</u></u> Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm <u>Thư ký</u> công ty theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định pháp luật về chứng khoán. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
CHƯƠNG XI NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH <u>Điều 50. Trách nhiệm cẩn trọng</u> Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, <u>kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị</u>, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>	CHƯƠNG XI NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH <u>Điều 63. Trách nhiệm cẩn trọng</u> Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</u> 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành	<u>Điều 64. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</u> 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành

khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <u>Điều 159</u> Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác. ... (Bỏ các từ gạch chân)	khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <u>Điều 164</u> Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác. ... (Thêm các từ gạch chân)
<u>Điều 52.</u> Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường (Bỏ các từ gạch chân)	<u>Điều 65.</u> Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường (Thêm các từ gạch chân)
CHƯƠNG XII SỬA ĐỔI QUY CHẾ <u>NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY</u> <u>Điều 53.</u> Sửa đổi Quy chế <u>nội bộ về quản trị công ty</u> ... (Bỏ các từ gạch chân)	CHƯƠNG XII SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ <u>NỘI BỘ CÔNG TY</u> <u>Điều 66.</u> Sửa đổi Quy chế quản trị <u>nội bộ công ty</u> ... (Thêm các từ gạch chân)
CHƯƠNG XIII NGÀY HIỆU LỰC <u>Điều 54.</u> Ngày hiệu lực 1. Quy chế này gồm 13 chương <u>54</u> điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2018. 2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. 3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (½) tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị. (Thêm các từ gạch chân)	CHƯƠNG XIII NGÀY HIỆU LỰC <u>Điều 67.</u> Ngày hiệu lực 1. Quy chế này gồm 13 chương <u>67</u> điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2018; sửa đổi, bổ sung lần <u>01</u> ngày <u>.../4/2022</u> . Kể từ ngày ký, Bản Quy chế quản trị <u>nội bộ công ty</u> này có hiệu lực thay thế các bản Quy chế ban hành trước đây. 2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. 3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị <u>nội bộ</u> công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (½) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị. (Thêm các từ gạch chân)

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-HĐQT244

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ACC-244.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần ACC-244;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ACC-244 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ACC-244 cho phù hợp với các quy định của Luật, Nghị định, Thông tư và thực tế hoạt động của Công ty.

(Nội dung chi tiết dự thảo Quy chế xem tại Phụ Lục kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Doanh

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần ACC-244;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày... tháng 4 năm 2022;
Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ACC-244;
Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ACC-244 bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty, các tổ chức khác (nếu có);

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ACC-244 có 05 thành viên (được quy định trong Điều lệ công ty).

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị và điều kiện khác theo Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán hiện hành.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty thực hiện theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (10 ngày) kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Thông qua việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ

đồng có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của họ;
- d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người quản lý đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

h. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị nội bộ công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

j. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

l. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

m. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

p. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

q. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và bên có liên quan

1. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính của công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ

công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời

hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là (03 ngày) làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn (07 ngày) kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông

báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 17. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

2. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh

của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc

bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát. Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ACC-244 bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.. tháng 4 năm 2022.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BKS

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ACC-244.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần ACC-244 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát cho phù hợp với các quy định của Luật, Nghị định, Thông tư và thực tế hoạt động của Công ty.

(Nội dung chi tiết dự thảo Quy chế xem tại Phụ Lục kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Thị Bích Đào

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần ACC-244;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng 4 năm 2022;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần ACC-244. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần ACC-244 bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng và nguyên tắc hoạt động

1. Phạm vi: Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát Công ty cổ phần ACC-244 và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cổ phần ACC-244 và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần ACC-244 được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công ty là Công ty cổ phần ACC-244.

2. Đại hội đồng cổ đông hoặc ĐHĐCĐ là Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần ACC-244.

3. Hội đồng quản trị hoặc HĐQT là Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần ACC-244.

4. Ban kiểm soát hoặc BKS là Ban kiểm soát của Công ty cổ phần ACC-244.

5. Luật doanh nghiệp là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

6. Điều lệ công ty là Điều lệ của Công ty cổ phần ACC-244.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu

thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

9. Được sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao.
10. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
11. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
12. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
13. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
14. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
15. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
16. Đề xuất danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
17. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
18. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong quản lý và điều hành công ty.
19. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
20. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
22. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
23. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
24. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng

thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản

và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Thù lao và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được

Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và

Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mọi quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần ACC-244 bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng 4 năm 2022./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-ĐHĐCĐ244

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
(DỰ THẢO)

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần ACC-244

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần ACC-244;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần ACC-244 ngày/4/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2021, kế hoạch năm 2022.

1.1. Những chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất kinh doanh năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	29.408	29.408	29.408	100,00
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	476.159	350.000	355.208	101,49
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.031	5.950	6.044	101,58
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.996	4.531	4.807	106,09
5	Trả cổ tức (dự kiến)	%/năm	15,00	15,00	15,00	100,00
6	Thu nhập b/q tháng	triệu/tháng	7,803	7,925	8,109	102,32

1.2. Những chỉ tiêu chủ yếu về kế hoạch SXKD năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	TL%
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	29.408	29.408	100,00
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	355.208	405.000	114,02
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.044	6.075	100,51
4	Mức trả cổ tức (dự kiến)	%/năm	15,00	15,00	100,00
5	Thu nhập b/q người l.động	triệu/tháng	8,109	8,316	102,55

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về công tác giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc năm 2021.

Điều 3. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022.

3.1. Thực hiện năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021
1	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.950	6.044
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.531	4.807
3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành	Triệu đồng	1.947	1.947
4	Tỷ lệ trả cổ tức trên vốn điều lệ	%	15	15
4.1	Chia từ lợi nhuận năm 2021	Triệu đồng	2.584	2.860
4.2	Chia từ lợi nhuận của các năm trước	Triệu đồng	1.827	1.551
5	Lợi nhuận để lại chưa phân phối năm 2021	Triệu đồng	0	0
6	Lợi nhuận chưa phân phối của các năm trước lũy kế đến ngày 31/12/2021	Triệu đồng	6.361	6.637

3.2. Kế hoạch năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022
1	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.075
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.831
3	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	%	15
4	Chi trả cổ tức năm 2022	Triệu đồng	4.411

5	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành (35% theo NQ ĐHĐCĐ nhiệm kỳ III)	Triệu đồng	1.691
5.1	<i>Trích từ Lợi nhuận ST năm 2022</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>420</i>
5.2	<i>Trích từ Lợi nhuận để lại chưa phân phối của các năm trước</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>1.271</i>

Điều 4. Thông qua thực hiện mức lương của Chủ tịch, Tổng giám đốc; Thù lao của HĐQT, BKS năm 2021 và Quyết định mức lương của Chủ tịch, Tổng giám đốc; Thù lao của HĐQT, BKS năm 2022.

4.1. Thông qua thực hiện mức lương của Chủ tịch, Tổng giám đốc; thù lao của HĐQT, BKS, người phụ trách QTCT năm 2021:

a. Thực hiện mức lương của Chủ tịch, Tổng giám đốc:

- Lương của Chủ tịch HĐQT: Thực hiện theo quy chế trả lương của Công ty.
- Lương của Tổng giám đốc: Thực hiện theo quy chế trả lương của Công ty.

b. Thù lao của HĐQT: Tổng cộng 330.000.000 đồng = 100% mức được ĐHĐCĐ duyệt.

- Thù lao của thành viên HĐQT: 288.000.000 đồng = 100% mức được ĐHĐCĐ duyệt.

- Thù lao của người phụ trách QTCT: 42.000.000 đồng = 100% mức được ĐHĐCĐ duyệt.

c. Thù lao của BKS:

- Thù lao của Trưởng ban kiểm soát: 60.000.000 đồng = 100% mức được HĐQT duyệt.

- Thù lao của Thành viên BKS: 48.000.000 đồng = 100% mức được HĐQT duyệt.

4.2. Mức lương của Chủ tịch, Tổng giám đốc; thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2022:

a. Mức lương của Chủ tịch, Tổng giám đốc:

- Lương của Chủ tịch HĐQT: Thực hiện theo quy chế trả lương của Công ty.
- Lương của Tổng giám đốc: Thực hiện theo quy chế trả lương của Công ty.

b. Thù lao của HĐQT: Tổng cộng 330.000.000 đồng/năm.

- Thù lao của Thành viên HĐQT: 4 (x) 6.000.000 đồng/người/tháng (x) 12 tháng = 288.000.000 đồng.

- Thù lao của Thư ký: 01 (x) 3.500.000 đồng/người/tháng (x) 12 tháng = 42.000.000 đồng.

c. Thù lao của BKS:

- Thù lao của Trưởng ban kiểm soát: 01 (x) 5.000.000 đồng/người/tháng (x) 12 tháng = 60.000.000 đồng.

- Thù lao của Thành viên BKS: 02 (x) 2.000.000 đồng/người/tháng (x) 12 tháng = 48.000.000 đồng.

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần ACC-244 đã được kiểm toán.

Điều 6. Thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần ACC-244.

6.1. Thông qua danh sách các đơn vị sẽ chọn để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần ACC-244, gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

6.2. Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần ACC-244 trong số các đơn vị kiểm toán đã được thông qua ở trên.

Điều 7. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Điều 8. Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ.

Điều 9. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 10. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 11. Điều khoản thi hành.

11.1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ACC-244 thường niên năm 2022 gồm 4 trang, được lập và thông qua toàn văn tại Đại hội vào hồi 11 giờ 30 phút ngày/4/2022; được các cổ đông biểu quyết thông qua với tổng số cổ phần nhất trí là cổ phần, chiếm% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

11.2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày/4/2022.

11.3. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty cổ phần ACC-244 chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Website Cty;
- HĐQT, B.TGD;
- Kế toán trưởng;
- T.Ban kiểm soát;
- Thư ký công ty;
- Lưu: VT, PHC.100.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Nguyễn Quốc Doanh

